

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KT-XH tháng 9 và 9 tháng; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm quý IV/2021**

Trong tháng, tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, cùng với sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, sự đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân dồn sức thực hiện nhiệm vụ kép vừa phòng, chống dịch Covid-19 vừa phát triển kinh tế - xã hội, tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, đời sống nhân dân, hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước phục hồi. Mặc dù, còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng đầu năm đạt được nhiều kết quả quan trọng: Thu ngân sách đạt theo tiến độ dự toán; thương mại điện tử phát triển khá; điều kiện sản xuất nông nghiệp tương đối thuận lợi, giá một số loại màu thực phẩm tăng nhẹ; an sinh xã hội được quan tâm, triển khai kịp thời chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ; tỷ lệ hộ sử dụng điện, hộ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh vượt chỉ tiêu kế hoạch; tai nạn giao thông giảm cả 03 mặt, cụ thể:

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC**

##### **1. Tập trung kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh Covid-19**

Trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều văn bản và trực tiếp chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19 bảo vệ sức khỏe, tính mạng, chăm lo đời sống của người dân và phát triển kinh tế - xã hội; triển khai thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong tỉnh đã chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động, linh hoạt, kịp thời thực hiện các biện pháp mạnh mẽ, quyết liệt như: giãn cách, cách ly xã hội, truy vết, xét nghiệm nhanh để tách các trường hợp F0 ra khỏi cộng đồng để điều trị; triển khai tiêm vắc-xin nhanh, hiệu quả, đạt yêu cầu số lượng vắc-xin đã được Trung ương phân bổ; thực hiện tốt chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: lấy xã, phường, thị trấn là pháo đài, người dân là chiến sĩ, là trung tâm phục vụ, là chủ thể phòng, chống dịch với phương châm “Truy vết thần tốc, khoanh vùng nhanh, xét nghiệm hợp lý, điều trị hiệu quả, chặn đứng nguồn lây”; các lực lượng chống dịch tuyến đầu tiếp tục thể hiện ý chí, nhiệt huyết, dồn sức chống dịch; người dân chấp hành tốt quy định của các cấp chính

quyền để ngăn chặn nguồn lây, bước đầu đạt được một số kết quả tích cực, đến nay dịch bệnh đang dần được kiểm soát. Cụ thể:

- Thực hiện giãn các xã hội: thiết lập các vùng cách ly, phong tỏa và giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ từ ngày 19/7/2021 đến hết ngày 09/9/2021, từ ngày 10/9/2021 tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, tinh thần trọng nể lòng các biện pháp giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 15 của Thủ tướng Chính phủ đối với vùng có nguy cơ cao, vùng nguy cơ và vùng bình thường mới, các vùng đỏ vẫn tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ. Nhờ thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch, đến ngày 24/9/2021, toàn tỉnh đã trở lại mức bình thường mới.

- Công tác xét nghiệm sàng lọc F0 trong cộng đồng (từ ngày 18/8 đến ngày 22/9/2021): lấy mẫu 900.875 lượt người, trong đó: số người test nhanh mẫu gộp dương tính 227 người, số người được lấy mẫu đơn RT-PCR 253 người, số người có RT-PCR dương tính 70 người.

- Thực hiện Chiến dịch tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 giai đoạn 2021 - 2022: tổng số đã tiêm/tổng số vắc xin được Bộ Y tế cấp (từ ngày 27/4 đến ngày 22/9/2021) là 151.224 trường hợp/174.460 liều, đạt 86,7%; 7.215 trường hợp hoãn tiêm, 1.021 trường hợp chống chỉ định và 16 trường hợp không đồng ý tiêm; ghi nhận 8.144 trường hợp có phản ứng thông thường sau tiêm.

- Đến hết ngày 20/9/2021: tỉnh đã thiết lập 96 vùng cách ly y tế<sup>(1)</sup>, thành lập 07 bệnh viện dã chiến, quy mô 1.100 giường để thực hiện thu dung, sàng lọc, cách ly, điều trị các trường hợp mắc bệnh Covid-19; trung dụng 150 cơ sở giáo dục làm khu cách ly y tế tập trung<sup>(2)</sup>. Tổng số trường hợp đã thực hiện cách ly trên toàn tỉnh 36.748 trường hợp<sup>(3)</sup>; đã hoàn thành cách ly 34.969 trường hợp<sup>(4)</sup>; đang cách ly tại cơ sở y tế 265 trường hợp, cách ly tập trung 567 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 947 trường hợp. Ghi nhận 1.482 ca nhiễm SARS-CoV-2<sup>(5)</sup>, đã điều trị khỏi cho 1.208 ca; có 21 tử vong ca<sup>(6)</sup>. Hiện tại, đang thực hiện cách ly và điều trị cho 261 người nhiễm SARS-CoV-2<sup>(7)</sup>.

- Công tác tổ chức sản xuất: chỉ đạo triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, các khu kinh tế, khu công nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện cho chuyên gia,

<sup>1</sup> Đã gỡ phong tỏa 79 vùng

<sup>2</sup> Trong đó có: 41 trường mẫu giáo, 56 trường tiểu học, 39 trường THCS, 06 trường THPT, 06 trường PTDTNT THPT và trường Trung cấp Pali Khmer, 01 Phòng GDĐT Trà Cú.

<sup>3</sup> Trong đó cách ly tại cơ sở y tế 1.561 trường hợp, cách ly tập trung 9.831 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 25.356 trường hợp.

<sup>4</sup> Trong đó, hoàn thành cách ly 1.296 trường hợp tại cơ sở y tế, 9.264 trường hợp tại cơ sở cách ly tập trung và 24.409 trường hợp cách ly tại nhà, nơi cư trú.

<sup>5</sup> Trong đó: 36 ca nhập cảnh, 11 ca ngoài tỉnh và 1.435 ca tại các huyện trong tỉnh.

<sup>6</sup> Trong đó: huyện Châu Thành (02), huyện Cầu Ngang (05), huyện Duyên Hải (03), huyện Trà Cú (06), huyện Càng Long (01), huyện Cầu Kè (01), thành phố Trà Vinh (02), ngoài tỉnh (01),

<sup>7</sup> Trong đó: các trường hợp ở các huyện, thị xã, thành phố: Trà Cú (38), Châu Thành (71), Càng Long (03), Cầu Ngang (23), Cầu Kè (23), Duyên Hải (22), Tiểu Cần (02), Thành phố Trà Vinh (65), Thị xã Duyên Hải (14).

người lao động ngoài tỉnh đến hỗ trợ các dự án, công trình xây dựng trên địa bàn. Chủ động, linh hoạt trong khâu kiểm soát, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho lưu thông và tiêu thụ hàng hóa, không làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của người dân, doanh nghiệp; có 19/20 doanh nghiệp được chấp thuận thực hiện phương án “03 tại chỗ”<sup>(8)</sup>; đến 20/9/2021, tổng số lao động ngừng việc khoảng 32.000 người (ngoài KCN, KKT khoảng 15.000 người; KCN, KKT khoảng 17.000 người).

- Tập trung hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, kết quả đến ngày 18/9/2021:

(1) *Chính sách giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*: đến nay có 891 đơn vị với 40.830 lao động được giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với tổng số tiền 2.051.046.000 đồng.

(2) *Chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất*: đã duyệt và chi 03 đơn vị<sup>(9)</sup>, tổng số lao động được hỗ trợ là 486 người với tổng số tiền 3.194.936.184 đồng.

(3) *Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương*: đến nay đã chi cho 794 đối tượng với kinh phí 2.530.145.000 đồng.

(4) *Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc*: đã chi cho 10.617 đối tượng với số tiền 14.202.000.000 đồng, đạt 94,23%.

(5) *Chính sách chấm dứt hợp đồng không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp*: đã chi cho 01 lao động với số tiền 4.710.000 đồng.

(6) *Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế (F0 và F1)*: đã chi hỗ trợ cho 2.003/3.244 người với số tiền 3.432.720.000 đồng, đạt 61,74%.

(7) *Chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật; chính sách hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch*: đã chi hỗ trợ cho 29 người viên chức hoạt động nghệ thuật và 05 người hướng dẫn viên du lịch với số tiền 126.140.000 đồng, đạt 100%.

(8) *Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh*: đã chi cho 1.413 hộ với kinh phí 4.239.000.000 đồng, đạt 97%.

(9) *Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất*: ngân hàng chính sách xã hội tỉnh đã thẩm định, hỗ trợ cho người sử dụng lao động vay vốn trả lương ngừng việc

<sup>8</sup> Trong KCN: 11/11 doanh nghiệp, với tổng số 2.061 lao động; ngoài KCN có 08/09 doanh nghiệp, với tổng số 2.262 lao động.

<sup>9</sup> Trường mầm non - Tiểu học Việt Anh Trà Vinh; Công ty cổ phần cắt may Sofa Hoa Sen; Công ty lương thực Trà Vinh.

(Công ty Cổ phần du lịch Trà Vinh), với tổng số tiền 153 triệu đồng cho 13 lao động.

(10) Chính sách đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác: đã chi hỗ trợ 108.399 đối tượng với kinh phí 162.598.500.000 đồng, đạt 99,23%.

Đối với chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động: chưa phát sinh hồ sơ.

- Vận động Quỹ phòng, chống dịch Covid-19: phát động cuộc vận động “Toàn dân tham gia phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và ủng hộ nguồn lực phòng, chống dịch bệnh Covid-19”, đến 15/9/2021 Ban cứu trợ tỉnh đã tiếp nhận đăng ký đóng góp của 684 tập thể và cá nhân, với tổng số tiền và hiện vật trên 43,5 tỷ đồng<sup>(10)</sup>. Tổ chức nhiều hoạt động thăm hỏi, động viên người dân vùng dịch và lực lượng tuyến đầu chống dịch; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Phụ nữ, Liên đoàn Lao động tỉnh cũng đã vận động bằng nhiều hình thức để hỗ trợ các phần quà gồm gạo, rau, củ, quả, các nhu yếu phẩm cho người dân Trà Vinh đang lao động, sinh sống ở các khu cách ly trong và ngoài tỉnh, tổ chức những chuyến xe hàng hóa, nông sản từ Trà Vinh hỗ trợ cho người dân tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, ước tính có 154.315 khách hàng được hỗ trợ với tổng số tiền trên 6,61 tỷ đồng. Kịp thời cấp phát 1.738,95 tấn gạo (chính sách hỗ trợ gạo của Chính phủ cho người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19) cho 09 huyện, thị xã, thành phố và đã cấp phát cho 115.930 người, đạt 100%.

- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, nhắc nhở và xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm về phòng, chống dịch theo quy định, đến ngày 15/9/2021, cơ quan chức năng đã nhắc nhở 3.334 trường hợp, xử phạt vi phạm hành chính 2.560 trường hợp với tổng số tiền 7,95 tỷ đồng, chủ yếu là các hành vi không đeo khẩu trang khi ra đường, ra đường với lý do không chính đáng, tụ tập nhiều người trong thời gian giãn cách xã hội; xử phạt 07 trường hợp đăng tin sai sự thật liên quan việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; khởi tố 02 vụ án hình sự làm lây lan dịch bệnh Covid-19 cho người trên địa bàn huyện Tiểu Cần và Cầu Ngang.

## 2. Tăng trưởng kinh tế (GRDP)

Dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là trong quý III; theo tạm tính của tỉnh, GRDP 9 tháng tăng trưởng âm 0,84% (6 tháng đầu năm tăng 5,32%), trong đó: khu vực I phục hồi và phát

<sup>10</sup> Đã phân bổ trên 17,996 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho BCĐ Phòng, chống dịch bệnh cấp huyện, các đơn vị, khu cách ly, chốt kiểm soát và lực lượng tuyến đầu; hỗ trợ nhân dân TP. HCM...

triển so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2020 chịu ảnh hưởng của hạn, mặn), ít chịu ảnh hưởng của dịch bệnh nên tăng trưởng 5,63%; khu vực II ngoài chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 còn do cắt giảm sản lượng điện theo chỉ đạo của Bộ Công Thương nên tăng trưởng âm 7,23% (trong đó công nghiệp âm 8,19%, xây dựng âm 0,5%); khu vực III tăng 1,28% (trong đó dịch vụ tăng 1,35%; thuế sản phẩm tăng 0,84%).

### 3. Tài chính - ngân hàng

Thu ngân sách địa phương trong tháng đạt 588 tỷ đồng, chỉ bằng 1/2 so với tháng trước và bằng 1/3 so với cùng kỳ, lũy kế 9 tháng thu 11.926,562 tỷ đồng, đạt 85% dự toán, tăng 1,6% so với cùng kỳ<sup>(11)</sup> (trong đó thu nội địa 3.777,5 tỷ đồng, đạt 75,6% dự toán, cao hơn cùng kỳ 7,5%), một số khoản thu đạt khá so với dự toán như: thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 98,9% (gấp đôi cùng kỳ), thu XSKT 1.138 tỷ đồng, đạt 86,3%...; thu ngân sách trong tháng đạt thấp nhưng số thu 9 tháng đạt tiến độ dự toán do phát sinh tăng số nộp thuế VAT của Công ty Nhiệt điện Duyên Hải, thuế nhà đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2 (Cty Janakuasa), thu XSKT, thu tiền sử dụng đất, thu khác ngân sách. Các khoản chi ngân sách tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, hợp lý, tiết kiệm, trong tháng chi 974,078 tỷ đồng, lũy kế 9 tháng chi 6.655 tỷ đồng, đạt 55,7% dự toán, tăng 3,1% so với cùng kỳ. Thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất năm 2021 theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đến hết thời hạn tiếp nhận (30/7/2021) đã tiếp nhận 504 đề nghị gia hạn của 501 doanh nghiệp, 03 cá nhân kinh doanh với tổng số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn khoảng 83,586 tỷ đồng<sup>(12)</sup>.

Hoạt động ngân hàng ổn định, an toàn, không bị gián đoạn trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19<sup>(13)</sup>. Các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đồng loạt giảm lãi suất cho vay các khoản dư nợ hiện hữu với mức giảm 0,5 - 1,5% so với mức lãi suất áp dụng (thời gian áp dụng từ 15/7/2021 đến cuối năm 2021). Đến nay, các tổ chức tín dụng (TCTD) đã giảm lãi suất cho hơn 76.450 khách hàng có khoản vay hiện hữu, với tổng dư nợ khoảng 14.985 tỷ đồng, đồng thời có nhiều ưu đãi đối với các khoản vay mới<sup>(14)</sup>; thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi suất và giữ nguyên nhóm nợ cho 389 khách hàng với dư nợ 91,61 tỷ đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội cho 01 doanh nghiệp vay trả lương phục hồi sản xuất<sup>(15)</sup>. Tình hình lãi suất huy động có xu hướng giảm nhẹ (phổ biến ở kỳ hạn dưới 12 tháng), tăng

<sup>11</sup> Nếu loại trừ thu chuyển nguồn, số dư tạm ứng, kinh phí cải cách tiền lương (3.851,399 tỷ đồng) thì tổng thu 9 tháng đạt 8.075,163 tỷ đồng, đạt 79,3% dự toán, tương đương với cùng kỳ.

<sup>12</sup> Trong đó: Số thuế được gia hạn đã nộp là 19,620 tỷ đồng; số thuế được gia hạn còn lại phải nộp là 63,966 tỷ đồng.

<sup>13</sup> Trong đợt dịch thứ 4, trên địa bàn tỉnh đã có 3 đơn vị tạm ngừng hoạt động: PGD Long Hữu – Agribank chi nhánh Duyên Hải, PGD Trà Cú – Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, PGD Chợ Trà Vinh – Ngân hàng Đông Á; đến nay các PGD đã trở lại hoạt động bình thường.

<sup>14</sup> Một số TCTD đưa ra chương trình/gói tín dụng ưu đãi về lãi suất đã cho 564 khách hàng vay với dư nợ gần 163 tỷ đồng, mức lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4,5-7% (thấp hơn từ 2-3,5%/năm so với mức cho vay ngắn hạn thông thường).

<sup>15</sup> Số tiền vay 152,96 triệu đồng, trả lương cho 13 lao động.

trường tiền gửi ngân hàng có xu hướng chậm lại so với cùng kỳ và các tháng đầu năm, một số TCTD bị giảm lượng vốn huy động do lãi suất được duy trì ở mức thấp, một lượng tiền gửi được người dân, doanh nghiệp rút ra để sử dụng trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, ước đến cuối tháng 9/2021: tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 39.150 tỷ đồng, tăng 2,15% so với tháng trước, tăng 7,14% so với cuối năm 2020; tổng dư nợ cho vay 31.300 tỷ đồng<sup>(16)</sup>, tăng 1,6% so với tháng trước, tăng 7,27% so với cuối năm 2020, nợ xấu duy trì dưới 3%. Tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại chi nhánh NHCSXH tỉnh đến tháng 9 đạt 3.018 tỷ đồng, tăng 6,9% so với năm 2020.

#### 4. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

##### 4.1. Sản xuất nông, lâm và thủy sản

Tổng giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản 9 tháng ước 20.607 tỷ đồng, đạt 73,2% kế hoạch, tăng 5,9% (1.146 tỷ đồng), kết quả trên một số lĩnh vực như sau:

##### \* Tái cơ cấu nông nghiệp:

Tái cơ cấu nông nghiệp tiếp tục có sự chuyển biến, chỉ đạo ngành chuyên môn phối hợp địa phương linh hoạt ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện công tác khuyến nông<sup>(17)</sup> phù hợp với tình hình dịch Covid-19; tuyên truyền, hướng dẫn người dân cải tạo vườn tạp, đất giồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích nghi với tình hình hạn, mặn, thực hiện các giải pháp sản xuất bù đắp sản lượng sụt giảm nội ngành theo kịch bản. Từ đầu năm đến nay, chuyển đổi<sup>(18)</sup> gần 1.880 ha đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm khác hoặc kết hợp với nuôi trồng thủy sản<sup>(19)</sup>; cải tạo 21,4 ha vườn tạp<sup>(20)</sup>, trên 144,3 ha đất trồng mía kém hiệu quả sang cây trồng khác và nuôi thủy sản. Diện tích nuôi tôm thâm canh mật độ cao tiếp tục được nhân rộng, toàn tỉnh hiện có 771 ha nuôi tôm theo hình thức thâm canh mật độ cao (tăng 141 ha so cùng kỳ), tập trung ở các huyện như: Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; các mô hình nuôi tôm sinh thái kết hợp với trồng rừng<sup>(21)</sup>, mô hình lúa - tôm<sup>(22)</sup> được duy trì, hiệu quả. Quan tâm lồng ghép giữa mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và bộ mặt nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực.

<sup>16</sup> Trong đó: cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 17.950 tỷ đồng, chiếm 57,3%/tổng dư nợ; cho vay xuất khẩu đạt 450 tỷ đồng; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 3.400 tỷ đồng; cho vay chăn nuôi lợn đạt 228,79 tỷ đồng...

<sup>17</sup> Qua mạng xã hội như Zalo, Facebook, email; tổ chức 122 lớp tập huấn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản (giảm hơn 1/2 số lớp so với cùng kỳ) 3.660 lượt người dự; tư vấn trực tiếp cho 7.469 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; lớp tập huấn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản...

<sup>18</sup> Từ năm 2014 đến nay chuyển đổi 21.691,21 ha (chuyển sang trồng cây hàng năm 13.023,17 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm 5.251,33 ha, kết hợp và chuyên nuôi thủy sản 3.416,71 ha) và có 2.853 ha đất trồng mía chuyển đổi sang trồng lúa, màu, trồng cỏ chăn nuôi bò, trồng dừa, cây ăn trái và nuôi thủy sản.

<sup>19</sup> Trong đó: chuyển sang trồng bắp, trồng cỏ và một số cây ngắn ngày khác 987,3 ha; chuyển sang trồng cây ăn trái 547,85 ha; chuyển sang trồng dừa 282 ha; kết hợp nuôi thủy sản 23,25 ha; chuyên nuôi thủy sản 39,3 ha.

<sup>20</sup> Chủ yếu trên địa bàn huyện Châu Thành cải tạo, chuyển sang trồng hoa màu, dừa, cây ăn trái và nuôi thủy sản.

<sup>21</sup> Diện tích 5.750 ha tập trung chủ yếu ở huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

<sup>22</sup> Diện tích 5.600 ha tập trung ở các huyện Châu Thành, Cầu Ngang và Duyên Hải.

*\* Về sản xuất nông nghiệp:*

- *Cây lúa:* diện tích xuống giống trong tháng 51.750 ha, lũy kế 9 tháng xuống giống 188.372 ha, đạt 96,9% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 29.975 ha); tổng diện tích lúa đã thu hoạch 131.806 ha, năng suất bình quân 5,7 tấn/ha.

- Trong tháng, diện tích gieo trồng 3.822 ha cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, lũy kế 9 tháng gieo trồng 44.059 ha<sup>(23)</sup>, đạt 85,3% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 736 ha), cải tạo và trồng mới 830 ha, nâng tổng số đến nay 42.203 ha (cây ăn trái 18.421 ha, cây dứa 23.783 ha) đạt 99,77% kế hoạch, sản lượng 461 ngàn tấn, đạt 81,2% kế hoạch. Phát hiện và xử lý sâu đầu đen gây hại 2,7 ha dứa của 04 hộ dân tại ấp Cao Một, xã Tân Hòa (Tiểu Cần), ngành chuyên môn và địa phương tiếp tục tăng cường kiểm tra, khảo sát để kịp thời xử lý không để lây lan diện rộng.

- *Chăn nuôi:* có chiều hướng phát triển, tổng đàn vật nuôi đạt theo tiến độ kế hoạch và tăng khá so với cùng kỳ<sup>(24)</sup>, riêng đàn gia cầm giảm<sup>(25)</sup>. Giá heo hơi giảm mạnh<sup>(26)</sup>, do chi phí đầu vào cao nên hộ chăn nuôi không lợi nhuận, một số hộ bị thua lỗ, gặp khó khăn trong sản xuất nên tổng đàn giảm so với thời điểm 6 tháng (giảm khoảng 19.640 con). Dịch bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp, khó lường, các bệnh lở mồm long móng trên gia súc<sup>(27)</sup>, dịch tả lợn châu Phi<sup>(28)</sup> có xảy ra nhưng nhanh chóng được khoanh vùng, khống chế; riêng bệnh viêm da nổi cục trên đàn bò<sup>(29)</sup> hiện nay diễn biến khá phức tạp, lây lan nhanh, từ khi xảy ra ổ dịch đầu tiên (trên địa bàn 02 xã Tân Hiệp và Long Hiệp, huyện Trà Cú vào ngày 06/8/2021), đến 26/9/2021 dịch bệnh lây lan sang 45/106 xã, phường, thị trấn thuộc 06 huyện, thị xã<sup>(30)</sup>, tổng số bò mắc bệnh 1.925 con, đã tiêu hủy 125 con. Công tác tiêm phòng trên đàn vật nuôi còn chậm do thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài<sup>(31)</sup>.

<sup>23</sup> Màu lương thực 5.036 ha, màu thực phẩm 27.208 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 11.815 ha.

<sup>24</sup> Đến nay, đàn bò 215.650 con (đạt 98% kế hoạch, tăng 2.100 con so cùng kỳ); đàn heo 190.860 con (đạt 86,75% kế hoạch, tăng 36.640 con so với cùng kỳ); đàn dê 20.860 con (đạt 94,8% kế hoạch, tăng 2.690 con so với cùng kỳ). Chăn nuôi quy mô lớn, đảm bảo an toàn sinh học, vệ sinh môi trường có bước phát triển, qua khảo sát trên địa bàn 05 huyện có thể mạnh về chăn nuôi gồm Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, có 40 hộ chăn nuôi heo quy mô trên 100 con/hộ con và 30 hộ nuôi gia cầm, quy mô bình quân 7.000 con/hộ.

<sup>25</sup> Tổng đàn gia cầm 6,33 triệu con (đạt 84,3% kế hoạch, giảm 1,4 triệu con so cùng kỳ) do các hộ chăn nuôi lo ngại khó khăn trong tiêu thụ do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chủ động giảm đàn.

<sup>26</sup> Hiện tại dao động từ 49.000 – 51.000 đồng/kg.

<sup>27</sup> Xảy ra tại 62 hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện Trà Cú, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, tổng đàn mắc bệnh 285 con bò, chết 39 con.

<sup>28</sup> Xảy ra tại 02 hộ chăn nuôi thuộc xã Song Lộc và Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, mắc bệnh 94 con, chết 07 con.

<sup>29</sup> Tỉnh đã công bố dịch bệnh trên địa bàn tỉnh, đồng thời thành lập Tổ công tác hỗ trợ địa phương trong công tác phòng, chống dịch; thực hiện tiêu độc khử trùng; đã cấp 150 ngàn liều vắc-xin phòng bệnh cho các địa phương để tiêm phòng khẩn cấp.

<sup>30</sup> Gồm các huyện: Trà Cú, Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành, Cầu Kè và thị xã Duyên Hải.

<sup>31</sup> Đến nay, tiêm phòng Cúm gia cầm 1,58 triệu con (đạt 26,47% kế hoạch); tiêm LMLM 92,9 ngàn con gia súc (đạt 26,26% kế hoạch); Tai xanh heo 4,4 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 412,38 ngàn liều ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 2,32 triệu liều...

- *Thủy lợi nội đồng và phòng chống thiên tai*: kết thúc nạo vét thủy lợi nội đồng năm 2021, các địa phương triển khai nạo vét 679 công trình (đạt 99,7% kế hoạch)<sup>(32)</sup>. Trong 9 tháng, tổ chức 109 đợt kiểm tra, phát hiện và xử lý 26 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều; trước đó, trong tháng 8 xảy ra giông lốc làm thiệt hại 63 nhà dân (trên địa bàn các huyện: Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải, Càng Long, Trà Cú, thị xã Duyên Hải) và sụp lún 40m đê bao (thị xã Duyên Hải), ước thiệt hại khoảng 855 triệu đồng; triều cường (thời điểm tháng 6) gây sụp lún mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh (diện tích 1.436 m<sup>2</sup>), sụp lún dưới chân tường hắt sóng và đường hành lang sau kè (diện tích 952,5m<sup>2</sup>); sạt lở tại xã Đông Hải, với chiều dài 2.000 m<sup>(33)</sup>, chính quyền địa phương đã kịp thời thăm hỏi, động viên, huy động lực lượng hỗ trợ nhân dân khắc phục thiệt hại.

- *Xây dựng nông thôn mới*: tập trung thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành<sup>(34)</sup>; đầu năm đến nay có thêm 03 xã đạt 19/19 tiêu chí, nâng tổng số toàn tỉnh có 72 xã đạt 19/19 tiêu chí (69 xã có quyết định công nhận), chiếm 84,7% số xã; 05 đơn vị cấp huyện<sup>(35)</sup> được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 11 xã được công nhận xã nông thôn mới nâng cao<sup>(36)</sup>; 92,13% hộ và 93,6% ấp đạt chuẩn văn hóa, nông thôn mới.

\* *Chương trình OCOP*: công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2020, gồm 26 sản phẩm<sup>(37)</sup>; phê duyệt kết quả chấm điểm sản phẩm đạt 05 sao gửi hồ sơ về Hội đồng cấp Trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP quốc gia. Các hoạt động kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm OCOP được thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức<sup>(38)</sup>. Xây dựng đề án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP năm 2021.

\* *Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*: thực hiện giảm 10% giá nước sạch sinh hoạt từ tháng 8 đến tháng 10/2021. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, thực hiện trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp” tại xã Đức

<sup>32</sup> Các địa phương điều đạt 100% kế hoạch, riêng huyện Châu Thành đạt 99,2% kế hoạch, do vướng mặt bằng nên không thể thi công 02 công trình.

<sup>33</sup> Ảnh hưởng 33 hộ dân và 1ha hoa màu (trong đó có 8,5 ha hành tím gần thu hoạch), sạt lở 0,5ha rừng phi lao.

<sup>34</sup> Có 10/13 xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới; đối với 09 tiêu chí huyện NTM, huyện tự đánh giá đạt 6/9 tiêu chí, còn lại 03 tiêu chí chưa đạt gồm: tiêu chí số 1 về Quy hoạch, tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục và tiêu chí số 7 về Môi trường, dự kiến đạt 03 tiêu chí này trong tháng 9/2021.

<sup>35</sup> Gồm: Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh.

<sup>36</sup> Gồm: Long Đức (TP Trà Vinh); xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa (huyện Tiểu Cần); Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam (huyện Cầu Ngang); Thạnh Phú, Ninh Thới (huyện Cầu Kè); xã Nhị Long Phú, An Trường (huyện Càng Long); xã Long Vĩnh (huyện Duyên Hải).

<sup>37</sup> Gồm 10 sản phẩm 04 sao, 16 sản phẩm 03 sao.

<sup>38</sup> Tham gia Ngày hội sản phẩm OCOP và hàng hoá đặc trưng các tỉnh thành năm 2021 tại An Giang; Giới thiệu hỗ trợ về thủ tục để đưa sản phẩm OCOP và đặc sản của tỉnh vào bán tại Siêu thị Tứ Sơn thuộc tỉnh An Giang; Kết nối sản phẩm OCOP với du lịch tại Phú Quốc; In ấn, phát hành 3.000 Sổ tay thông tin sản phẩm theo nhóm ngành hàng chủ lực, sản phẩm OCOP...



Mỹ. Hoàn thành Đề án 712<sup>(39)</sup>; khánh thành công trình Trạm cấp nước cồn An Lộc, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè<sup>(40)</sup>. Đầu năm đến nay lắp đặt cho 8.260 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 145.668 hộ sử dụng nước máy, tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 99,7% (trong đó nước sạch đạt 71,5%).

\* *Lâm nghiệp*: triển khai trồng rừng thay thế tại khu vực Cồn Hô, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long; rà soát phê duyệt diện tích giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Đầu năm đến nay trồng 43,5 ha rừng tập trung (đạt 69% kế hoạch); chăm sóc 282,714 ha rừng (đạt 91% kế hoạch); khoán bảo vệ rừng 5.143 ha (vượt 56,34% kế hoạch); tổ chức 968 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 19 trường hợp vi phạm; thực hiện 6 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy rừng cho 320 người dự; cấp 22 mã số cho cơ sở gây nuôi động vật hoang dã.

\* *Thủy sản*: nuôi trồng, khai thác thủy hải sản gặp nhiều khó khăn do thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, giá cả đầu vào tăng, tổng diện tích thả nuôi, sản lượng thủy hải sản đều thấp hơn so với cùng kỳ. Diện tích thả nuôi thủy sản trong tháng 1.457 ha, nâng tổng số đến nay thả nuôi hơn 52.967 ha, đạt gần 92% kế hoạch, trong đó: nuôi nước mặn, lợ 49.867 ha (thấp hơn cùng kỳ 5.876ha), nuôi nước ngọt 3.100 ha (cao hơn cùng kỳ 898 ha).

Tổng sản lượng thủy - hải sản: trong tháng ước 17.022 tấn, lũy kế 9 tháng 166.301 tấn, đạt 70% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 4,4%, trong đó: nuôi trồng 113.045 tấn<sup>(41)</sup>, giảm 1,1% so với cùng kỳ (giảm 1.289 tấn), khai thác 53.256 tấn, giảm 10,6% so với cùng kỳ (giảm 6.300 tấn)<sup>(42)</sup>. Cấp 417 giấy phép khai thác thủy sản, 63 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự tại các cảng cá; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 180 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình<sup>(43)</sup>. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý vật tư nông nghiệp đối với 1.261 cơ sở kinh doanh an toàn thực phẩm, phân bón, thuốc BVTV, thức ăn và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản<sup>(44)</sup>.

## 4.2. Về sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trong tháng có dấu hiệu phục hồi, chỉ số sản xuất tăng trên 33% so với tháng trước, nhưng tính chung 9 tháng giảm 7,3% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp ước 2.305,7 tỷ đồng, lũy kế 9 tháng

<sup>39</sup> Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa GEĐ 2017 – 2020 theo QĐ số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017.

<sup>40</sup> Công suất thiết kế 20m<sup>3</sup>/h đảm bảo cung cấp nước phục vụ cho 140 hộ thường xuyên bị ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn, tạo điều kiện để cồn An Lộc phát triển du lịch sinh thái.

<sup>41</sup> Nuôi nước mặn, lợ tăng 4,1% (tăng 2.504 tấn); nuôi nước ngọt giảm 7,1% (giảm 3.794 tấn).

<sup>42</sup> Trong đó: Khai thác biển giảm 10,6% (giảm 5.657 tấn); khai thác nội địa giảm 10,6% (giảm 643 tấn).

<sup>43</sup> Gồm: 171 tàu cá chiều dài 15m đến dưới 24m, 09 tàu có chiều dài trên 24m.

<sup>44</sup> Thu 230 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm; phát hiện, xử lý 71 trường hợp theo quy định.

25.774,6 tỷ đồng, đạt 57,1% kế hoạch, giảm 9,7% so với cùng kỳ. Sản xuất công nghiệp giảm sâu chủ yếu do 02 nguyên nhân chính: (1) Tình hình dịch Covid-19 làm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, thiếu nguyên liệu đầu vào..., sản lượng một số sản phẩm giảm như: may mặc (giảm 29,5%), thủy sản đông lạnh (giảm 23,8%), giày thành phẩm (giảm 78,8%), gạo xay xát (giảm 17,6%), bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô (giảm 14,3%)... dẫn đến giá trị sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 13,7%; (2) Công nghiệp sản xuất và phân phối điện giảm trên 7% do Bộ Công Thương chỉ đạo cắt giảm sản lượng điện nhằm đảm bảo an toàn lưới điện quốc gia, tổng sản lượng điện sản xuất chỉ đạt trên 14,5 tỷ kWh (bằng 54,3% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ hơn 01 tỷ kWh), trong khi ngành điện chiếm tỷ trọng cao, chi phối rất lớn đến toàn ngành công nghiệp. Tuy sản xuất khó khăn nhưng một số doanh nghiệp chủ động sắp xếp phương án sản xuất theo diễn biến dịch bệnh để hoàn tất các đơn hàng (có cam kết đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh), một số sản phẩm công nghiệp cũng tăng khá so với cùng kỳ như: sản xuất túi xách (tăng 35,5%), thuốc viên các loại (tăng 17,5%), than hoạt tính (tăng 10,9%), thảm dệt các loại (tăng 5,1%)...

Về phát triển điện: đưa vào vận hành trạm điện 110kV Trà Cú (thuộc công trình Trạm 110 kV và đường dây 110kV Cầu Kè -Trà Cú - Duyên Hải). Tiếp tục theo dõi, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai 05 dự án điện gió, đến nay nhà đầu tư đã: thi công lắp đặt thân trụ đạt 100%, thi công kéo dây 53,4/56,9 km, lắp đặt hoàn chỉnh chuẩn bị vận hành 41/79 turbine. Quan tâm phát triển lưới điện đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân, trong 9 tháng đầu năm đầu tư mới 21,53 km đường dây trung thế, 12,33 km đường dây hạ thế, 231 trạm biến áp, phát triển 2.938 hộ sử dụng điện, đến nay tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,23%.

Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2021: có 04/5 sản phẩm, bộ sản phẩm<sup>(45)</sup> được Bộ Công Thương công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia năm 2021.

### 4.3. Thương mại - dịch vụ

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường năm 2021 và Tết Nhâm Dần năm 2022. Các hoạt động phiên chợ, hội chợ, kết nối thị trường trong và ngoài tỉnh được thực hiện tuyệt đối chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh ủy về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Xây dựng phương án đảm bảo nguồn cung các loại hàng hóa thiết yếu và công tác tổ chức vận hành các chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi trên địa bàn, các doanh nghiệp tăng cường dự trữ các mặt hàng thiết yếu từ 30 - 50% so với thời điểm bình thường, đảm bảo cung ứng hàng hóa đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân. Sơ kết công tác chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh khai thác và quản

<sup>(45)</sup> 02 bộ sản phẩm “Cơm dừa sấy khô, Nước cốt dừa cấp đông” và “Than viên gạo dừa, Than hoạt tính sọ dừa” của Công ty Cổ phần Trà Bắc; “Bánh tráng IMEXTRAVINH” của Công ty lương thực Trà Vinh; “Mật hoa dừa Sokfarm” của Công ty TNHH Trà Vinh Farm.

lý chợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020. Triển khai các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2021; xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện tháng khuyến mại tập trung quốc gia năm 2021- Việt Nam Grand Sale (01/9-30/9/2021).

Do thực hiện giãn cách xã hội kéo dài theo Chỉ thị số 15, Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ, phần lớn các hoạt động kinh doanh buôn bán, ăn uống, lưu trú, du lịch, vui chơi giải trí... đều tạm dừng hoạt động, chỉ duy trì kinh doanh các mặt hàng thiết yếu dẫn đến sức mua giảm sâu vào tháng 8 và tăng trở lại trong trung tuần tháng 9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng 1.518,69 tỷ đồng (tăng gần 30% so với tháng trước), lũy kế 9 tháng 25.183,86 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch, giảm 1,8% so với cùng kỳ, trong đó: (1) Bán lẻ hàng hóa giảm 0,3%, (2) Lưu trú ăn uống giảm 1,7%, (3) Du lịch giảm 15,3% và (4) Dịch vụ khác giảm 10%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2021 giảm 0,34% so với tháng trước; hầu hết giá các nhóm hàng trong tháng đều giảm<sup>(46)</sup>, riêng nhóm hàng giáo dục tăng 0,45% do vào đầu năm học, giá sách giáo khoa tăng hơn so với năm học trước. Bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 1,35% so với cùng kỳ năm trước.

#### **4.4. Xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể**

Tổ chức thăm, nắm tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; tổ chức Chương trình họp mặt doanh nghiệp đầu năm Tân Sửu 2021. Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm<sup>(47)</sup>; thương mại điện tử có bước phát triển, làm việc và khảo sát thực tế với các Công ty thương mại điện tử: Shopee, Tiki, Sen Đỏ, Voso nhằm thương thảo, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh phân phối hàng hóa qua các Sàn thương mại điện tử<sup>(48)</sup>. Tổ chức phiên chợ hàng Việt về nông thôn nhân dịp Tết Quân - Dân tại xã Long Hiệp, huyện Trà Cú<sup>(49)</sup>; nghiệm thu 06 Đề án khuyến công<sup>(50)</sup>.

<sup>46</sup> Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,1%; Nhóm thiết bị đồ dùng gia đình giảm 0,07%; Nhóm giao thông giảm 0,11%; Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 1,85%.

<sup>47</sup> Tổ chức Hội nghị mời 19 DN, HTX tham dự buổi liên kết thị trường, gặp gỡ trao đổi kết nối hàng hoá với Cty CP TM Bách Hoá Xanh trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ 36 DN, HTX, cơ sở sản xuất tham gia Gian hàng Việt trực tuyến; 03 DN tham gia trưng bày, bán sản phẩm tại lễ hội bán hàng dân gian tại Làng du lịch Mỹ Khánh, thành phố Cần Thơ; 17 cơ sở, DN, HTX trong tỉnh tham gia trưng bày và giới thiệu 28 loại sản phẩm của mình tại Khu trưng bày sản phẩm đặc trưng của tỉnh nhân dịp tổ chức ngày Hội khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2020; Tham gia 03 cuộc Hội chợ tại các tỉnh Đắk Lắk, An Giang và Hậu Giang...

<sup>48</sup> Kết quả đến nay: (1) Có 20 cơ sở, doanh nghiệp mở gian hàng trên Sàn TMĐT Voso.vn kinh doanh sản phẩm đặc sản, trái cây; (2) Sản phẩm Sầu Riêng, Mãng cụt, Nhân của HTX Tân Qui huyện Cầu Kè đang kinh doanh trên Sàn TMĐT Shopee.vn và Sendo.vn (đến nay đã tiêu thụ 10,18 tấn trái cây các loại gồm: 4,88 tấn sầu riêng, 4,7 tấn măng cụt và 0,6 tấn Nhân); (3) Sản phẩm Chôm chôm Java của HTX Tân Qui huyện Cầu Kè triển khai chương trình Tuần lễ nông sản Việt trên Sàn Thương mại điện tử Sendo.vn...

<sup>49</sup> Quy mô 60 gian hàng của 17 doanh nghiệp và 04 “Gian hàng 0 đồng” của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Trà Vinh, 04 gian hàng trưng bày các sản phẩm đặc trưng của huyện Trà Cú.

<sup>50</sup> (1) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất bún gạo truyền thống cho Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Sơn; (2) Hỗ trợ ứng dụng gàu tải cấp liệu tự động cho HTX NN Long Hiệp; (3) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị trong sản xuất bánh trắng cho Hộ kinh doanh Bảo Hân; (4) Hỗ trợ ứng dụng ứng dụng

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có sự chuyển biến tích cực, chỉ số PCI năm 2020 của tỉnh xếp hạng 48/63 tỉnh, thành phố của cả nước và xếp thứ 10/13 tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tăng 10 bậc trên bảng xếp hạng PCI so với năm 2019 và được đánh giá thuộc nhóm điều hành “trung bình”. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Trà Vinh năm 2021.

Công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp được quan tâm thực hiện với nhiều hình thức đa dạng như: xây dựng video clip các dự án kêu gọi đầu tư; phóng sự tiềm năng kinh tế biển; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Guidebook về tiềm năng, thế mạnh, cơ hội đầu tư; Hội thảo trực tuyến kêu gọi đầu tư từ Nhật Bản vào tỉnh, xây dựng trang thông tin điện tử bằng ngôn ngữ Việt - Nhật... Thành lập Tổ hỗ trợ nhà đầu tư và ban hành Kế hoạch hành động của Tổ để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai dự án đúng tiến độ<sup>(51)</sup>; thành lập Tổ công tác để chuẩn bị các thủ tục cần thiết khi kêu gọi đầu tư và hỗ trợ nhà đầu tư khi triển khai thực hiện Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn phát điện Trà Vinh<sup>(52)</sup>; xây dựng Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh năm 2021 (gồm 31 hoạt động)...

Trong 9 tháng đầu năm tiếp và làm việc với 39 lượt nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu đầu tư thuộc lĩnh vực như: logistics, cảng nước sâu, điện khí, điện mặt trời, điện gió, du lịch, nông nghiệp, thủy sản... Do tình hình dịch Covid-19, trong 02 tháng liền (tháng 8 và tháng 9) không cấp mới quyết định chủ trương đầu tư, chứng nhận đầu tư, lũy kế 9 tháng thu hút 16 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn 10.320,76 tỷ đồng<sup>(53)</sup>, ít hơn cùng kỳ 12 dự án<sup>(54)</sup>, điều chỉnh giấy chứng nhận, chủ trương đầu tư 17 dự án, chấm dứt hoạt động 06 dự án (trong KKT, KCN có 01 dự án<sup>(55)</sup>; ngoài KKT, KCN có 05 dự án<sup>(56)</sup>).

---

máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất gỗ mỹ nghệ cho Hộ kinh doanh Trần Thị Cẩm Vân; (5) Hỗ trợ ứng dụng máy hút chân không trong sản xuất hủ tiêu cho Hộ kinh doanh Thái Trường Bình; (6) Hỗ trợ ứng dụng máy tiện CNC trong sản xuất gỗ mỹ nghệ cho Hộ kinh doanh Long Phát.

<sup>51</sup> Đã tổ chức họp 04 lần; tổ chức khảo sát địa điểm thực hiện dự án, giải quyết khó khăn về công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án lĩnh vực năng lượng điện gió, kiểm tra 02 dự án chậm triển khai và đã chấm dứt hoạt động 01 dự án, xem xét tiếp tục cho chấm dứt hoạt động 01 dự án theo quy định Luật Đầu tư năm 2020.

<sup>52</sup> Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 8/6/2021.

<sup>53</sup> Toàn tỉnh có 383 dự án đang đầu tư, kinh doanh (41 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 342 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 122.038,14 tỷ đồng). Trong đó: Trong đó: (1) 289 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ; (2) 44 dự án đang triển khai; (3) 43 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý và (4) 07 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án.

<sup>54</sup> Ít hơn 11 dự án đầu tư trong nước nhưng số vốn tăng 9.754,54 tỷ đồng; ít hơn 01 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đầu tư 0,29 triệu USD.

<sup>55</sup> Dự án kinh doanh vật liệu xây dựng và vận chuyển bốc dỡ hàng hóa của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tường Vy, vốn đầu tư 25,49 tỷ đồng

<sup>56</sup> Dự án Khu thương mại và Dịch vụ Cầu Ngang của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Trà Vinh, vốn đầu tư 46 tỷ đồng; Dự án Bệnh viện đa khoa An Phúc Trà Vinh của Công ty TNHH An Phúc Trà Vinh, vốn đầu tư 70 tỷ đồng; Cửa hàng xăng dầu Minh Đức 1 của Công ty TNHH MTV SX TM DV Lâm Uyên, vốn đầu tư 4 tỷ đồng; Xây dựng Trụ sở HTX nông nghiệp Nhị Trường, vốn đầu tư 1,65 tỷ đồng; Dự án nhà máy sản xuất gạch không nung - gạch via hệ Ba Vũ của Công ty TNHH VLXD Ba Vũ, với tổng vốn đầu tư 14,9 tỷ đồng.

Phát triển doanh nghiệp<sup>(57)</sup> có xu hướng chậm lại do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, trong tháng chỉ phát triển mới 08 doanh nghiệp, giảm hơn một nửa so với tháng trước và chỉ bằng  $\frac{1}{3}$  so với trung bình các tháng, giải thể 02 doanh nghiệp, tạm dừng 02 doanh nghiệp, hoạt động trở lại 03 doanh nghiệp; tính từ đầu năm đến nay<sup>(58)</sup> phát triển mới 261 doanh nghiệp, giải thể 61 doanh nghiệp, tạm dừng 64 doanh nghiệp, hoạt động trở lại 06 doanh nghiệp (chưa đến 10% so với số tạm dừng); tỷ lệ giao dịch qua mạng từ đầu năm đến nay đạt trên 53%.

Ban hành Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng hướng dẫn liên ngành về tiêu chí đánh giá, phân loại hợp tác xã. Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ<sup>(59)</sup>. Phát triển mới 01 HTX, lũy kế 9 tháng phát triển 11 HTX và 01 Liên hiệp HTX, giải thể 05 HTX; đến nay toàn tỉnh có 170 HTX<sup>(60)</sup>, tổng vốn điều lệ 165,422 tỷ đồng với 29.923 thành viên; 1.883 Tổ hợp tác với 34.206 thành viên. Do tình hình dịch Covid-19, phần lớn HTX gặp khó khăn, giảm doanh thu (nhất là HTX hoạt động trong lĩnh vực vận tải, nông nghiệp), phải hoạt động cầm chừng, hiện tập trung hỗ trợ củng cố hoặc thực hiện thủ tục giải thể.

#### 4.5. Đầu tư phát triển, xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Các chính sách kêu gọi đầu tư dẫn phát huy hiệu quả, nhiều dự án lớn được cấp phép đã và đang đẩy nhanh tiến độ thi công như: Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2, 05 nhà máy điện gió, Khu Bền tổng hợp Định An, Khu dân cư thuộc Trung tâm Chính trị - Hành chính tỉnh... Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước 21.661,7 tỷ đồng, đạt 77,4% kế hoạch, tăng 22,8% so với cùng kỳ (tăng 4.019,7 tỷ đồng), trong đó: (1) Vốn nhà nước chỉ bằng 56,9% cùng kỳ (giảm 1.847,985 tỷ đồng, chủ yếu giảm Trung ương quản lý do Nhà máy Nhiệt Điện Duyên Hải 3 mở rộng đã hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại; hiện nay tất cả các dự án tại Trung tâm Điện lực Duyên Hải đã hoàn thành<sup>(61)</sup> nên vốn đầu tư 9 tháng giảm mạnh so với cùng kỳ); (2) Vốn ngoài nhà nước tăng 78,4% so với cùng kỳ (tăng 4.292 tỷ đồng, chủ yếu tăng vốn đầu tư của doanh nghiệp ngoài nhà nước, tăng vốn đầu tư trong dân cư (chủ yếu trong 6 tháng đầu năm)); (3) Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 20% so với cùng kỳ (tăng

<sup>57</sup> Đến nay có 3.190 doanh nghiệp, vốn đăng ký 46.872 tỷ đồng, số lao động 95.217 (có 2.762 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 42.521 tỷ đồng, 87.867 lao động, trong đó có 43 doanh nghiệp FDI).

<sup>58</sup> So với cùng kỳ: phát triển mới ít hơn 26DN, giải thể nhiều hơn 01DN, tạm dừng hoạt động nhiều hơn 05DN.

<sup>59</sup> Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 07/9/2021; chọn 05 HTX tham gia mô hình gồm: HTX NN Long Hiệp (huyện Trà Cú); HTX NN Phú Cần, Rạch Lọp (huyện Tiểu Cần); HTX NN Phú Mỹ Châu và HTX Vận tải Phước Vinh (huyện Châu Thành).

<sup>60</sup> Trong đó: 126HTX nông nghiệp, 28 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng.

<sup>61</sup> Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1, Duyên Hải 3, Duyên Hải 3 mở rộng, các dự án cảng biển, cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Duyên Hải.

1.575,7 tỷ đồng chủ yếu do dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2 đang đẩy mạnh thi công, một số dự án điện gió cũng đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện). Một số dự án lớn đi vào hoạt động như Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2, Công ty TNHH TM&SX Bảo Tiên, Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong (chủ sở hữu mới), Công ty Cổ phần thủy sản Thông Thuận Trà Vinh... góp phần tạo thêm động lực tăng trưởng cho tỉnh.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng cơ bản ngay từ đầu năm, tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 hơn 4.149,6 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 17/9/2021 hơn 1.647,2 tỷ đồng, đạt 39,7% kế hoạch, nếu trừ đi số vốn NSTW chưa đủ điều kiện giải ngân theo Công văn số 510/BKHĐT-KTĐPLT là 374,35 tỷ đồng thì tỷ lệ giải ngân đạt 43,6% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân 42,5% kế hoạch), trong đó: (1) Giải ngân kế hoạch vốn giao năm 2021 là 1.175,9 tỷ đồng/3.247,2 tỷ đồng, đạt 36,2% kế hoạch; (2) Giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 471,1 tỷ đồng/902,3 tỷ đồng, đạt 52,2% kế hoạch.

Tỷ lệ đô thị hóa đến nay đạt 29,52%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99%; 100% xã được phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới; phê duyệt 03/07 quy hoạch xây dựng vùng huyện; tiếp tục thực hiện các quy hoạch xây dựng vùng huyện: Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải. Thông qua Hội đồng quy hoạch tỉnh báo cáo hiện trạng tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và báo cáo, đề xuất định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **5. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ**

### **5.1. Giáo dục và đào tạo**

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trong tỉnh đảm bảo vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả tốt<sup>(62)</sup>; nhiều hoạt động đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường như: thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1 năm học 2020 - 2021; đưa vào sử dụng sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 năm học 2021 - 2022; tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT năm học 2020 - 2021 đạt 99,14%<sup>(63)</sup>. Tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh đạt hiệu quả, như: thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh<sup>(64)</sup>; thi chọn học sinh giỏi lớp 11 cấp tỉnh<sup>(65)</sup>;

<sup>62</sup> Điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học 2020-2021 vào thời điểm kết thúc năm học phù hợp với thực tế tình hình diễn biến dịch bệnh, tổ chức an toàn nghiêm túc các kỳ thi cấp tỉnh; tổ chức khai giảng và dạy học bằng hình thức phù hợp trong thời gian ổn định sau giãn cách xã hội chuẩn bị chu đáo chop học sinh tiếp tục học,...

<sup>63</sup> Trong đó: có 01 học sinh (do bị F0 Covid-19) được đặc cách tốt nghiệp và 02 thí sinh được miễn thi (do khuyết tật); có 15/45 đơn vị đạt tỷ lệ tốt nghiệp 100%.

<sup>64</sup> Có 1.278 thí sinh dự thi. Trong đó: Ngữ văn: 177 thí sinh; môn Sử: 148 thí sinh; môn Địa: 172 thí sinh; môn Tiếng Anh: 161 thí sinh; Toán: 134 thí sinh; môn Vật lý: 123 thí sinh; môn Hóa: 135 thí sinh; môn Sinh: 159 thí sinh; môn Tin học: 69 thí sinh.

<sup>65</sup> Tại 06 điểm thi: trường THPT Nguyễn Đăng, THPT Tiểu Cần, THPT Dương Quang Đông, THPT Duyên Hải, THPT Trà Cú, THPT Phạm Thái Bường. với 1.335 thí sinh dự thi. Trong đó: Ngữ Văn: 180 thí sinh; Sử: 171 thí sinh; Địa: 163 thí sinh; Tiếng Anh: 174 thí sinh; Toán: 133 thí sinh; Vật lý: 135 thí sinh; Hóa: 117 thí sinh; Sinh: 158 thí sinh; Tin học: 104 thí sinh.

cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh<sup>(66)</sup>; thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12<sup>(67)</sup>... Tổ chức khai giảng năm 2021 - 2022 và triển khai dạy học bằng hình thức trực tuyến<sup>(68)</sup>. Tiếp tục thực hiện Đề án phân luồng, đào tạo nghề cho học sinh sau THCS và THPT giai đoạn 2018 - 2025<sup>(69)</sup>, triển khai kế hoạch và xây dựng bộ tài liệu đưa vào giảng dạy cho học sinh trung học về công tác khởi nghiệp<sup>(70)</sup>. Tổng kết 5 năm thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” và Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số” giai đoạn 2016 - 2020.

## 5.2. Khoa học và công nghệ

Tuyển chọn 04 tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nghiệm thu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh<sup>(71)</sup>. Đầu năm đến nay tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện 21 đề tài thuộc danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh<sup>(72)</sup>, nghiệm thu 07 đề tài cấp tỉnh<sup>(73)</sup>; giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở. Tiếp tục thực hiện 03 đề án về sở hữu trí tuệ<sup>(74)</sup>, 02 đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ cấp cơ sở<sup>(75)</sup>. Chuẩn bị tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh năm 2021; xuất bản 02 sổ tay khoa học và công nghệ<sup>(76)</sup>; tư vấn về công bố tiêu chuẩn cơ sở, mã số mã vạch cho 05 doanh nghiệp<sup>(77)</sup>.

## 6. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

<sup>66</sup> Có 185 tăng 16 dự án so năm trước (trong đó cấp THCS có 78 dự án, cấp THPT có 107 dự án). Qua đó dự thi cấp quốc gia có 02 dự án tham dự đạt 02 giải khuyến khích.

<sup>67</sup> Kết quả có 02 học sinh đạt giải khuyến khích (môn Tiếng Anh và môn Địa lý) so cùng kỳ giảm (01 giải ba, 04 khuyến khích).

<sup>68</sup> Tổ chức khai giảng phát trên sóng Đài truyền hình tỉnh Trà Vinh; tổ chức cho học sinh học tập tại nhà trong 4 tuần đầu (đối với học sinh Tiểu học sẽ học tập trên sóng Đài truyền hình Trà Vinh, cấp THCS và THPT học theo hình thức trực tuyến).

<sup>69</sup> Theo Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông và Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 10/5/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường thực hiện công tác phân luồng, đào tạo nghề cho học sinh sau THCS và THPT trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

<sup>70</sup> Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh thực hiện Quyết định số 1665/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “*Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025*” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

<sup>71</sup> Đề tài “*Xây dựng quy trình sản xuất giống cua biển (Scylla paramamosain) tại tỉnh Trà Vinh*” do Trung tâm Giống chủ trì thực hiện.

<sup>72</sup> Đạt 91,3% kế hoạch năm (23 nhiệm vụ KH&CN); dự ước đến cuối năm 2021, tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện 23/23 nhiệm vụ KH&CN, đạt 100% kế hoạch năm.

<sup>73</sup> Đạt 100% kế hoạch năm.

<sup>74</sup> Gồm: (1) Đề án “*Xây dựng bảo hộ và quản lý nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm lúa, gạo hữu cơ của huyện Châu Thành*”; (2) Dự án bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “*Tôm Trà Vinh*”; (3) Dự án bảo hộ chỉ dẫn địa lý “*Trà Vinh*” cho sản phẩm trái dừa sấp.

<sup>75</sup> Gồm: (1) Đề tài: “*Xây dựng mô hình sản xuất lươn giống (Monopterus Albus) bằng phương pháp bán nhân tạo tại tỉnh Trà Vinh*”; (2) Đề tài: “*Nghiên cứu quy trình chế biến và bảo quản sản phẩm kem dừa sấp đóng hộp tại tỉnh Trà Vinh*”.

<sup>76</sup> Gồm: (1) Quy trình canh tác cam sành theo VietGAP; (2) Quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm lươn đồng”.

<sup>77</sup> Gồm: Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng và cầm đồ Hưng Tín - Càng Long; Công ty TNHH SX-TM-DV Công nghệ TV; Công ty TNHH SX TM DV Công nghệ TV; Công ty CP Xây dựng Đồng Bằng.

### 6.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Tư vấn việc làm cho 302 lao động, lũy kế 9 tháng tư vấn 10.431 lượt lao động tìm việc làm và 73.874 lượt lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp; tổ chức 02 phiên giao dịch việc làm và 07 cuộc hội thảo việc làm tại các huyện, thị xã, thành phố. Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến thị trường lao động, 9 tháng đầu năm tạo việc làm mới cho 16.643 lao động, đạt 72,4% kế hoạch; đưa 292 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 32,4% kế hoạch. Giải quyết trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 361 lao động, tính từ đầu năm đến nay giải quyết 11.340 hồ sơ với số tiền chi trả 182,6 tỷ đồng. Đào tạo tiếng Nhật cho 412 học viên có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài. Thăm, chúc Tết 30 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phê duyệt 243 lao động nước ngoài làm việc tại Công ty TNHH Vận hành phát điện CHD Việt Nam tại Trà Vinh. Xác nhận khai báo sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cho 36 doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TU của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp; tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 16/7/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trong 9 tháng đầu năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh, đào tạo nghề cho 5.210 người<sup>(78)</sup>, đạt 27,4% kế hoạch.

### 6.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, trong tháng giải quyết chế độ cho 33 trường hợp, lũy kế 9 tháng giải quyết cho 771 trường hợp<sup>(79)</sup>. Thăm, tặng quà cho người có công và thân nhân của người có công nhân dịp Tết Nguyên Đán, 30/4, 27/7 với tổng kinh phí 28.427 triệu đồng. Chuyển giao 98 Bằng Tổ quốc ghi công cho thân nhân liệt sĩ; thực hiện chính sách điều dưỡng tại gia đình cho 3.358 người có công với cách mạng; đưa 110 người có công với cách mạng đi điều dưỡng tại Kiên Giang. Xây dựng, trao tặng 428 căn nhà tình nghĩa<sup>(80)</sup>. Xuất Quỹ An sinh xã hội tỉnh chi hỗ trợ cho 10.192 người có công với cách mạng đang gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 với kinh phí 5.096 triệu đồng.

### 6.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

<sup>78</sup> Tuyển sinh học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp nghề được 715 hồ sơ (dự kiến cuối tháng 10 xét tuyển); trong đó ngắn hạn: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 639 lao động (tổng số lao động đăng ký nhu cầu học nghề là 3.441 người); tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho 3.856 người.

<sup>79</sup> Trợ cấp ưu đãi Bà mẹ Việt Nam anh hùng 13 trường hợp; giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 249 trường hợp, chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học 20 trường hợp; chế độ tuất từ trần cho 69 trường hợp; giải quyết chế độ BHYT theo Quyết định 290, 62 và 49 của Thủ tướng Chính phủ cho 192 trường hợp; chế độ mai táng phí cho 228 trường hợp là người có công với cách mạng, hội viên Hội Cựu chiến binh từ trần, người hưởng chính sách theo Quyết định 290, 42, 69 của Thủ tướng Chính phủ,...

<sup>80</sup> Kinh phí xây dựng do các Ngân hàng và tập đoàn Vinaphone và Mobiphone tài trợ.



Thăm, tặng quà tết cho 12.779 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, số tiền 4,9 tỷ đồng. Tặng quà của Chủ tịch nước và Chủ tịch UBND tỉnh cho 47 cụ 100 tuổi và 803 cụ 90 tuổi; giải quyết trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng cho 37.824 đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ mai táng phí cho 1.151 đối tượng, số tiền 136,4 tỷ đồng; cấp thẻ BHYT cho 26.647 đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ tiền điện cho 5.127 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội. Vận động các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh hỗ trợ người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người mù, trẻ mồ côi, bệnh nhân nghèo với tổng số tiền hơn 11,7 tỷ đồng<sup>(81)</sup>.

Tổ chức chăm lo cho 21.854 hộ nghèo, hộ cận nghèo dịp Tết Tân Sửu năm 2021, với kinh phí trên 17,2 tỷ đồng<sup>(82)</sup>. Cấp 451.519 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo với kinh phí 363,2 tỷ đồng; hỗ trợ 13.084 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn, số tiền 381,3 tỷ đồng. Triển khai kế hoạch tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2021.

#### **6.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em**

Tổ chức thăm và tặng quà các cơ sở thờ tự, chức sắc các tôn giáo, người có uy tín nhân dịp tết Nguyên đán, Chôl - Chnam - Thmây... Tiếp và làm việc với Phó Chủ tịch nước Võ Thị Ánh Xuân cùng đoàn công tác đã đến thăm, chúc mừng Lễ Phật đản tại tỉnh Trà Vinh. Các chương trình, chính sách trong vùng đồng bào dân tộc tiếp tục được triển khai thực hiện<sup>(83)</sup>. Tình hình tôn giáo ổn định; thành lập 03 cơ sở tôn giáo<sup>(84)</sup>; hỗ trợ kinh phí hoạt động đạo sự, xây dựng Chánh điện và Trai đường cho các tổ chức tôn giáo với số tiền 720 triệu đồng.

Triển khai thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021- 2025, công tác bình đẳng giới năm 2021. Thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021- 2030. Tổ

<sup>81</sup> Trong đó hỗ trợ Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc da cam/dioxin các cấp 11,3 tỷ đồng.

<sup>82</sup> Nguồn kinh phí đảm bảo xã hội và Quỹ an sinh xã hội của tỉnh hỗ trợ cho 16.650 hộ cận nghèo với kinh phí 4,9 tỷ đồng. Ngoài ra, các huyện xuất ngân sách và vận động xã hội hóa hỗ trợ thêm cho 20.746 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo với kinh phí trên 14,2 tỷ đồng và 13.535 kg gạo. Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và lãnh đạo Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tặng 400 phần quà tết cho hộ nghèo và nạn nhân chất độc da cam với kinh phí 471 triệu đồng; Quỹ Thiện Tâm thuộc Tập đoàn VINGROUP tặng quà tết cho 1.000 hộ nghèo với kinh phí 600 triệu đồng; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Trà Vinh tặng quà cho 270 hộ nghèo với kinh phí 135 triệu đồng.

<sup>83</sup> 9 tháng đầu năm; thăm, viếng 481 người có uy tín và người thân theo Quyết định số 12/2018 /QĐ-TTg (trong đó: tặng quà 449 người có uy tín nhân dịp tết Nguyên Đán, tết cổ truyền Chôl Chnam Thmây năm 2021,...); cấp phát 114.130 ấn phẩm báo, tạp chí cho người thụ hưởng theo Quyết định số 45/QĐ-TTg; thi công hoàn thành 09 công trình vốn viện trợ của Chính phủ AiLen; xây dựng công trình cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Tiểu Cần.

<sup>84</sup> Chùa Hảo Tâm, Khóm 4, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long; chùa Vạn Hưng, ấp Chợ, xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải và chùa Liên Thành, ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú.

chức 30 buổi tuyên truyền về Luật Trẻ em tại các trường trung học cơ sở; thăm và tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn<sup>(85)</sup>.

### 6.5. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trong bệnh viện; trong tháng khám, chữa bệnh cho 53.578 lượt<sup>(86)</sup>; phát hiện và xử lý 04 ổ dịch tay chân miệng<sup>(87)</sup>, 63 ổ dịch sốt xuất huyết<sup>(88)</sup>; số trẻ dưới 5 tuổi thoát khỏi suy dinh dưỡng 109 trẻ<sup>(89)</sup>. Số người nhiễm HIV mới được phát hiện trong tỉnh 134 người, số người chuyển sang bệnh AIDS 20 người; số người tử vong vì HIV/AIDS là 27 người<sup>(90)</sup>.

Xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 60 năm ngành Dân số Việt Nam, Kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Kế hoạch truyền thông phòng, chống tác hại thuốc lá giai đoạn 2021 - 2022.

### 6.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức Lễ hội đón Giao thừa mừng Xuân Tân Sửu 2021; mittinh kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2021) gắn với chào mừng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trong tháng, công nhận mới 9 xã văn hóa nông thôn mới, lũy kế 9 tháng công nhận 28 ấp, khóm văn hóa, 10 xã văn hóa nông thôn mới<sup>(91)</sup>; xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh và 01 di tích cấp quốc gia<sup>(92)</sup>. Triển lãm đường sách nhân Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam tỉnh Trà Vinh năm 2021<sup>(93)</sup>. Tổ chức 47 cuộc thanh tra trên các lĩnh vực văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, quảng cáo, “Game bắn cá” tại 284 cơ sở<sup>(94)</sup>.

<sup>85</sup> Công ty Xổ số kiến thiết Trà Vinh tặng 1000 quyển tập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; tặng 380 ba lô và 1.950 quyển tập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nhân tháng hành động vì trẻ em năm 2021.

<sup>86</sup> Lũy kế đến nay có 1.152.869 lượt, đạt 66,5% so với kế hoạch.

<sup>87</sup> Tăng 03 ổ so với cùng kỳ năm 2020.

<sup>88</sup> Giảm 79 ổ (55,6%) so với cùng kỳ năm 2020.

<sup>89</sup> Cộng dồn 1.357 trẻ, đạt 68,6% kế hoạch.

<sup>90</sup> Đến ngày 31/8/2021, toàn tỉnh có 2.525 người nhiễm HIV; 1.675 người chuyển sang giai đoạn AIDS; 1.057 người tử vong do HIV/AIDS.

<sup>91</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 256.114/277.260 hộ đạt chuẩn “Gia đình văn hóa”; 739/756 “Áp-khóm văn hóa”; 81 xã đạt chuẩn “Văn hóa nông thôn mới”; 15 phường, thị trấn đạt chuẩn “Văn minh đô thị”; 1.147/1.232 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

<sup>92</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 48 di tích được xếp hạng (16 di tích cấp quốc gia, 32 di tích cấp tỉnh), 01 bảo vật quốc gia và 05 Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia.

<sup>93</sup> Có 12 đơn vị đến từ 09 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và NXB chính trị quốc gia sự thật tham gia triển lãm. Qua 03 ngày triển lãm sách có trên 5.000 lượt bạn đọc tham quan tìm hiểu.

<sup>94</sup> Kết quả, xử phạt vi phạm hành chính 01 cơ sở, nhắc nhở và yêu cầu 164 cơ sở đảm bảo an ninh trật tự, thực hiện kinh doanh đúng quy định pháp luật.

Tổ chức có chất lượng các giải vô địch tỉnh, giải thể thao quần chúng, Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2021<sup>(95)</sup>; thể thao thành tích cao đạt được nhiều kết quả<sup>(96)</sup>. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú<sup>(97)</sup>. Trong tháng, lượt khách đến làm việc và lưu trú giảm 39,9% so tháng trước, doanh thu giảm 58,7%; lũy kế 9 tháng, lượt du khách tham quan tăng 25,2% so cùng kỳ, doanh thu tăng 5%, lượt khách lưu trú giảm 28,7%, công suất phòng bình quân giảm 7,4%. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, đến nay đã hỗ trợ cho 10 hộ với số tiền hơn 1,4 tỷ đồng.

## 7. Tài nguyên và môi trường

Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021; thẩm định Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của 09/09 huyện, thị xã, thành phố; hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 05 năm thời kỳ 2021-2025 tỉnh Trà Vinh. Xác định giá đất 05 công trình, dự án. Đấu giá, thanh lý tài sản công 02 khu đất<sup>(98)</sup>. Trong 9 tháng cấp mới 155 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nâng tổng số đã cấp 625.694 giấy, đạt 99,34% diện tích cần cấp giấy; hướng dẫn lập thủ tục 117 hồ sơ hoạt động tài nguyên nước; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho 03 đơn vị; hoàn thành đấu giá quyền khai thác khoáng sản 02 mỏ cát ven biển thuộc xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

Xử lý 100% rác thải y tế, rác thải sinh hoạt tại các bệnh viện dã chiến, khu cách ly tập trung trên địa bàn. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý chất thải nguy hại đối với 10/25 chủ nguồn thải. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và tiến độ đóng cửa bãi rác thị trấn Châu Thành (đạt khoảng 47%), cải tạo bãi rác xã Hòa Lợi (đạt khoảng 50%) và bãi rác xã Lương Hòa A (đạt 100%). Tổ chức 07 cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh; theo dõi khắc phục các tồn tại trong thực hiện Chỉ thị tại các địa phương.

## 8. Thông tin và truyền thông

Mạng lưới, dịch vụ bưu chính tiếp tục phát triển đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân; hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại

<sup>95</sup> Cụ thể: Tổ chức 07 giải vô địch tỉnh, 04 giải thể thao quần chúng. Có 06/09 huyện, thị xã, thành phố tổ chức “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân”; giải Việt dã có trên 300 người tham gia. Đến nay có 08/09 huyện, thị xã, thành phố với 56/106 xã, phường, thị trấn tổ chức Đại hội TDTT các cấp tiến tới Đại hội TDTT tỉnh Trà Vinh năm 2022.

<sup>96</sup> Thể thao thành tích cao thi đấu đạt 24 huy chương các loại (11 HCV, 05 HCB, 08 HCD); Đội Bóng chuyên xếp hạng IV vào vòng chung kết.

<sup>97</sup> In ấn 6.000 ấn phẩm quảng bá du lịch; xuất 705 ấn phẩm quảng bá du lịch Trà Vinh. Thực hiện 01 phóng sự “Du lịch Trà Vinh - Miền đất thuận thiên” phát sóng trên đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh (HTV7) và kênh HTC; 02 phim giới thiệu Trà Vinh xưa, chương trình Âm thực đường phố quay phim trên diễm du lịch cộng đồng Cồn Chim (Hòa Minh, Châu Thành) với chủ đề “Âm thực Nam bộ ở cồn Chim - Trà Vinh”, phát trên kênh VTV1.

<sup>98</sup> (1) Khu đất tọa lạc tại phường 4, thành phố Trà Vinh, thu về ngân sách là 36,1 triệu đồng cao hơn so với giá khởi điểm là 14,959 triệu đồng; (2) Trụ sở làm việc cũ của TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Duyên Hải, tọa lạc tại Phường 1, thị xã Duyên Hải, với số tiền 10.800.000 đồng.

điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn và bảo đảm cung cấp hàng hóa thiết yếu trong đại dịch. Lĩnh vực viễn thông đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc; mật độ thuê bao điện thoại cố định 2,45 thuê bao/100 dân; mật độ thuê bao điện thoại di động 82,07 thuê bao/100 dân; mật độ thuê bao Internet 66,94 thuê bao/100 dân.

Triển khai và ứng dụng tốt giải pháp công nghệ, các nền tảng hỗ trợ, thông tin liên lạc đảm bảo an toàn, thông suốt đáp ứng yêu cầu phòng, chống Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Cấp mới 326 tài khoản, 211 chứng thư số<sup>(99)</sup>; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 chiếm 41,01%, mức độ 4 chiếm 43,33%. An toàn thông tin trên địa bàn được đảm bảo<sup>(100)</sup>. Các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, sự kiện chính trị nổi bật của địa phương được phổ biến kịp thời, đúng quy định<sup>(101)</sup>.

### **9. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng**

Triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS giai đoạn 2021 - 2025 theo Chương trình số 12-Ctr/TU ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2020 tăng 05 bậc so với năm 2019<sup>(102)</sup>; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) giảm 01 bậc, xếp hạng 08 cả nước, hạng 01 khu vực; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) giảm 05 bậc<sup>(103)</sup>. Tiến hành rà soát 409 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành; xử lý 19 văn bản không còn phù hợp. Công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, biên chế được thực hiện tốt, theo đúng quy định<sup>(104)</sup>; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm<sup>(105)</sup>; tổ chức tuyển dụng công chức theo đúng quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Điều tra cơ sở hành chính năm 2020 tại các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn.

<sup>99</sup> Lũy kế 9 tháng có 7.401 người dùng trên hệ thống VNPT-iOffice; 2.312 chứng thư số; 7.720 hộp thư điện tử công vụ.

<sup>100</sup> Tổ chức rà soát khắc phục các lỗ hổng bảo mật các hệ thống; kiểm tra, khắc phục lỗ hổng bảo mật mức cao và nghiêm trọng trong các sản phẩm Microsoft; duy trì dịch vụ Giám sát an toàn thông tin mạng trên nền tảng điện toán đám mây; đảm bảo an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu trong thời gian diễn ra Đại hội Đảng lần thứ XIII, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, các dịp lễ, tết 2021.

<sup>101</sup> Tập trung tuyên truyền về việc thực hiện bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với phòng, chống dịch Covid-19 trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Tân Sửu và Lễ hội xuân 2021; Kế hoạch cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác phòng, chống dịch Covid-19;...

<sup>102</sup> Xếp hạng 52 cả nước, hạng 10 khu vực.

<sup>103</sup> Xếp hạng 41 cả nước, hạng 10 khu vực

<sup>104</sup> Thẩm định Đề án tổ chức bộ máy của một số ngành tỉnh; thẩm định việc thành lập, kiện toàn 70 tổ chức phối hợp liên ngành; chuyển 01 chỉ tiêu hợp đồng lao động của Sở Y tế (chưa sử dụng) sang vị trí nhân viên lái xe chuyên dụng phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; thống nhất việc tuyển dụng 35 viên chức cho 02 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế,...

<sup>105</sup> Tổ chức 07 lớp bồi dưỡng cho 603 công chức, viên chức.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026, toàn tỉnh có 798.001/798.252 cử tri tham gia bầu cử, đạt tỷ lệ 99,97%, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19, bầu đủ số lượng, không phải bầu lại.

Công tác thanh tra được thực hiện đúng tiến độ; thanh tra hành chính 30 cuộc tại 64 đơn vị<sup>(106)</sup>; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 373 cuộc với 2.746 cá nhân, tổ chức<sup>(107)</sup>. Giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, hài hòa, hạn chế tình trạng khiếu nại đông người, vượt cấp; tiếp 1.915 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, nhận 1179 đơn (thuộc thẩm quyền 495 đơn); giải quyết đơn thuộc thẩm quyền đạt 96,4%<sup>(108)</sup>. Công tác phòng, chống tham nhũng tiếp tục được tăng cường, đi vào chiều sâu, đáp ứng được mục tiêu ngăn chặn, không xảy ra tham nhũng trên địa bàn.

## 10. Quốc phòng, an ninh

Lực lượng Quân đội, Biên phòng và Công an các cấp tích cực phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch Covid-19, đồng thời duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu. Bảo vệ an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021- 2026, lãnh đạo Đảng và Nhà nước đến thăm và làm việc tại tỉnh. Tổ chức luyện tập chuyển trạng thái lần 01 năm 2021 và luyện tập các phương án sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch; triển khai kế hoạch huấn luyện chiến dịch, huấn luyện chiến đấu giai đoạn 01 và 02. Tổ chức giao, nhận 951 quân<sup>(109)</sup> lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc năm 2021, tổng kết công tác tuyển quân gắn với sơ kết 06 năm thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự. Thực hiện cấp Căn cước công dân có gắn chip điện tử đến nay đạt 92,7% chỉ tiêu Bộ Công an giao.

Về quản lý kinh tế: phát hiện 13 vụ vi phạm, nâng tổng số 9 tháng phát hiện 105 vụ (nhiều hơn cùng kỳ 30 vụ), đã khởi tố 12 vụ, 17 bị can.

Phát hiện 10 vụ vi phạm tài nguyên, kháng sản<sup>(110)</sup>, nâng tổng số 9 tháng phát hiện 301 vụ<sup>(111)</sup> (nhiều hơn cùng kỳ 111 vụ); khởi tố 02 vụ làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người (liên quan đến dịch COVID-19); khởi tố 03 vụ, bắt tạm giam 03 bị can “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”; xác minh, làm rõ nguyên nhân 02 vụ nghi ngờ độc thực phẩm.

Tội phạm về trật tự xã hội: xảy ra 28 vụ; nâng 9 tháng xảy ra 243 vụ, bắt

<sup>106</sup> Phát hiện tổng số tiền sai phạm là 14.618,5 triệu đồng và 15.534 m<sup>2</sup> đất; kiến nghị thu hồi 12.022,2 triệu đồng; xử lý kỷ luật đối với 11 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 01 vụ 01 đối tượng.

<sup>107</sup> Phát hiện và xử lý 253 cá nhân, tổ chức vi phạm; xử phạt vi phạm hành chính 2.430,97 triệu đồng.

<sup>108</sup> Trong đó: giải quyết đơn khiếu nại đạt 93,5%, đơn tố cáo đạt 100%, đơn phản ánh kiến nghị đạt 96,5%.

<sup>109</sup> Trong đó có một nữ công dân, 320 công dân là người dân tộc Khmer, 62 thanh niên có trình độ Đại học, Cao đẳng và Trung cấp, sức khỏe đạt loại 1 và 2 trên 50%, có 18 thanh niên là đảng viên. Huyện Càng Long là huyện được Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh chọn tổ chức truyền hình trực tiếp lễ giao nhận quân và là đơn vị điểm để rút kinh nghiệm cho công tác tuyển quân của tỉnh năm 2022.

<sup>110</sup> Phạt VPHC 04 vụ, số tiền 22,9 triệu đồng

<sup>111</sup> Xử phạt VPHC 62 vụ, số tiền hơn 1.783 triệu đồng, chuyển ngành chức năng xử lý 42 vụ, giáo dục nhắc nhở 176 vụ.

xử lý 453 đối tượng; đấu tranh, triệt xóa 550 vụ đá gà, đánh bạc... (nhiều hơn cùng kỳ 117 vụ), đã khởi tố 47 vụ, 104 bị can, phạt 1.725 trường hợp, số tiền trên 03 tỷ đồng.

Phát hiện 01 vụ lợi dụng “luồng xanh” để mua bán trái phép chất ma túy, nâng 9 tháng phát hiện 85 vụ phạm tội về ma túy<sup>(112)</sup> (nhiều hơn cùng kỳ 9 vụ), lượng ma túy thu giữ nhiều hơn gấp đôi so với cùng kỳ; triệt xóa 27 điểm, 137 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy.

Tai nạn giao thông: xảy ra 02 vụ<sup>(113)</sup>; nâng 9 tháng xảy ra 31 vụ, làm 30 người chết, 11 người bị thương (giảm 07 vụ, giảm 03 người chết, giảm 09 người bị thương). Tuần tra kiểm soát, phát hiện 19.668 trường hợp vi phạm vi phạm trật tự an toàn giao thông<sup>(114)</sup>.

Xảy ra 01 vụ cháy, thiệt hại tài sản khoảng 1,5 tỷ đồng (giảm 05 vụ so với cùng kỳ). Ban hành: Quy định phân cấp phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng ứng 20 năm Ngày toàn dân PCCC. Kiểm tra an toàn PCCC tại 1.920 cơ sở, khu dân cư<sup>(115)</sup>. Kiểm tra, hướng dẫn công tác PCCC tại 91 điểm cách ly tập trung; thực tập 32 phương án chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ các khu cách ly, phong tỏa, bệnh viện dã chiến.

## II. HẠN CHẾ, YẾU KÉM

*- Về kinh tế: thực hiện giãn cách xã hội kéo dài theo Chỉ thị số 15, Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ để phòng, chống đại dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; những ngày đầu bùng phát đợt dịch thứ 4, việc thu hoạch, vận chuyển và lưu thông hàng hóa có nơi chậm trễ dẫn đến dư cung cục bộ một số hàng hóa nông sản; chuỗi cung ứng bị gián đoạn, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, sản xuất công nghiệp, bán lẻ hàng hóa, lưu trú, du lịch sụt giảm; hoạt động xổ số kiến thiết phải tạm ngừng kinh doanh kéo dài làm ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành dự toán thu ngân sách; các hoạt động tổ chức hội chợ, xúc tiến thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp bị gián đoạn; trong 02 tháng liền không thu hút được dự án đầu tư mới; phát triển mới doanh nghiệp thấp hơn cùng kỳ; số doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động tăng, tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trở lại còn thấp; giải ngân vốn đầu tư công không đảm bảo theo tiến độ cam kết; tiến độ thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới còn chậm; chỉ đạo sản xuất ở một số địa phương chưa sâu sát, chưa tuân thủ lịch thời vụ, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi còn diễn biến phức tạp; tiến độ tiêm phòng đàn vật nuôi còn chậm.*

<sup>112</sup> Bắt xử lý 146 đối tượng, thu giữ 516,6 gam ma túy tổng hợp, 2,12 gam heroin.

<sup>113</sup> 02 người chết, 01 người bị thương.

<sup>114</sup> Phạt vi phạm hành chính 15.059 trường hợp, tước giấy phép lái xe 680 trường hợp.

<sup>115</sup> Phát hiện và phạt VPHC 34 trường hợp, yêu cầu khắc phục 297 hạn chế, thiếu sót.

- Về văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh: đời sống, sinh hoạt của người dân gặp nhiều khó khăn do thực hiện giãn cách xã hội, mất việc làm; bệnh tay chân miệng tăng so với cùng kỳ.

### III. DỰ ƯỚC KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2021

Đến tháng 9/2021, trong 23 chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh có 02 chỉ tiêu vượt kế hoạch gồm (1) Tỷ lệ hộ sử dụng điện (99,23%/Nghị quyết 99,2%) và (2) Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 99,7%/Nghị quyết 99,1% (trong đó nước sạch đạt 71,5%/Nghị quyết 71%). Dự ước cả năm, trong số 23 chỉ tiêu, khả năng thực hiện đạt và vượt 17 chỉ tiêu, có 06 không đạt gồm: (1) Tốc độ tăng trưởng GRDP; (2) GRDP bình quân đầu người; (3) Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ trong GRDP; (4) Số giường bệnh/vạn dân; (5) Phát triển doanh nghiệp; (6) Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

*(Chi tiết phụ lục 4)*

### IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM QUÝ IV/2021

Căn cứ Nghị quyết Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021; trong quý IV, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung dồn sức thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2021 còn thấp và không đạt kế hoạch như dự báo; tích cực thi đua (đợt 1) lập thành tích chào mừng kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (tháng 5/1992 - tháng 5/2022).

Kịp thời triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch Covid-19; đồng thời triển khai đầy đủ các Nghị quyết của HĐND tỉnh về các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách, đầu tư công năm 2021, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và đầu tư công năm 2022; hoàn thiện các nội dung trình tại các kỳ họp của HĐND tỉnh, đảm bảo yêu cầu, chất lượng. Lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; phối hợp chặt chẽ, đôn đốc đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhất là các phần việc còn chậm, tồn đọng.

2. Tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong tình hình mới, đảm bảo vừa chống dịch Covid-19 vừa duy trì các hoạt động sản xuất nhằm đạt yêu cầu mục tiêu kép theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục rà soát, sàng lọc và bóc tách F0 ra khỏi cộng đồng; đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 đảm bảo theo thứ tự ưu tiên; thành lập

các Trạm Y tế lưu động theo hướng của Bộ Y tế. Quan tâm hơn nữa công tác đảm bảo cung ứng hàng hóa thiết yếu, đảm bảo an sinh xã hội. Kiểm tra, hướng dẫn, tạo điều kiện cho nông dân lưu thông hàng hóa. Quyết tâm giữ vững thành quả đạt được sau thời gian nỗ lực phòng, chống dịch Covid-19, phấn đấu đến ngày 15/10/2021 đạt trạng thái bình thường mới toàn tỉnh.

Thực hiện an toàn, an ninh ứng trực 24/24 giờ, đảm bảo thông suốt, an toàn, an ninh mạng, đặc biệt là hệ thống thông tin, nền tảng công nghệ phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; đảm bảo các phương án kỹ thuật cần thiết để ngăn chặn, đấu tranh, phản bác các thông tin sai sự thật về công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

3. Tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sử dụng linh hoạt đất trồng lúa, chuyển đổi khoảng 550 ha đất trồng lúa sang các cây trồng khác và kết hợp với nuôi trồng thủy sản. Tập trung cải tạo vườn cây ăn trái, vườn dừa kém hiệu quả và cải tạo giồng tạp, vườn tạp theo hướng thâm canh, kết hợp trồng xen; phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực và cây dừa ở các huyện vùng nước ngọt cận theo tuyến sông Tiền và sông Hậu.

Chủ động các biện pháp phòng chống sâu, bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tập trung tiêm phòng dứt điểm đàn vật nuôi; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là thời điểm giao mùa; khoanh vùng, xử lý triệt để bệnh Viêm da nổi cục trên đàn bò. Phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng trang trại, công nghiệp và chăn thả theo hướng an toàn sinh học; tập trung tái đàn heo.

Tập trung khai thác, phát huy hiệu quả thế mạnh nuôi thủy sản; đẩy mạnh vận động, khuyến cáo nông dân sản xuất lúa, hoa màu kém hiệu quả chuyển đổi sang nuôi thủy sản, nhất là tôm thẻ mật độ cao, phát triển khu nuôi tôm công nghiệp tập trung, phấn đấu trong quý IV thả nuôi thêm khoảng 6.300 ha, nâng tổng diện tích nuôi thủy sản cả năm đạt 59.273 ha. Hoàn thành đề án Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tăng cường công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, thủy sản, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); khẩn trương hoàn thành việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án trồng rừng, phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm đạt 4,04%. Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 và 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Tập trung rà soát, đánh giá, thẩm định các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021; đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch xây dựng huyện nông



thôn mới; chủ động hỗ trợ, hoàn thành hồ sơ, thủ tục đề nghị Trung ương kiểm tra và công nhận huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới vào đầu tháng 10/2021; triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Hỗ trợ, công nhận mới Làng nghề bánh tráng ấp Bến Có (xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành).

4. Triển khai hiệu quả Kế hoạch tổ chức trở lại hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hội kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19, trong đó tập trung một số công việc chính như: (1) xây dựng và thống nhất phương án, điều kiện sản xuất kinh doanh an toàn, thích ứng với tình hình dịch bệnh; (2) tập trung tháo gỡ triệt để ách tắc, đứt gãy chuỗi cung ứng, các bất cập trong thực hiện các quy định về phòng, chống dịch; (3) tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối cung cầu hàng hóa, đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, nhất là nông sản; (4) hỗ trợ doanh nghiệp thu hút lao động quay trở lại làm việc... Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghiệp, nhất là các dự án công trình điện<sup>116</sup>, 05 dự án điện gió vào vận hành. Triển khai thực hiện đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ngành, huyện thị (DDCI) tỉnh Trà Vinh năm 2021. Ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông đối với dự án đầu tư ngoài KCN, KKT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Triển khai thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2021 và Tết Nhâm Dần năm 2022. Tổ chức Hội chợ Ok Om Bok Trà Vinh năm 2021 và 02 phiên chợ hàng Việt, Ngày hội khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2021 phù hợp với diễn biến dịch bệnh.

5. Theo dõi chặt chẽ tiến độ từng dự án đầu tư công, phân đầu cuối năm 2021 giải ngân vốn từ 95% trở lên. Triển khai thực hiện kịp thời các chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, nuôi dưỡng, khai thác các nguồn thu, chống thất thu thuế; tiếp tục rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

6. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết không thu học phí đối với học sinh mẫu giáo và phổ thông học kỳ I năm học 2021-2022. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và giải pháp theo kế hoạch năm học 2021-2022, tổ chức dạy và học hiệu quả, chất lượng, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Chuẩn bị các điều kiện để tiếp tục triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 3, lớp 7 và lớp 10

<sup>116</sup> (1) Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Vũng Liêm - Trà Vinh 2; (2) Công trình trạm biến áp 110kV Trà Cú và đường dây 110kV Cầu Kè - Trà Cú - Duyên Hải tỉnh Trà Vinh; (3) Trạm 110kV Dân Thành và đường dây đầu nối tỉnh Trà Vinh.

năm học tiếp theo. Tiếp tục xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tổ chức kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2021.

7. Tuyển chọn, nghiệm thu các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học đúng tiến độ gắn với chuyên giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Triển khai hoàn thành nội dung Kế hoạch thực hiện hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo năm 2021. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động, học sinh, sinh viên đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng. Tăng cường tổ chức các cuộc hội thảo, tư vấn, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh (1943 căn). Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Chủ động triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

8. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức thăm viếng, tặng quà nhân các dịp Lễ hội của người dân tộc và các tổ chức tôn giáo. Huy động các nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới”; các hoạt động của Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội trong lĩnh vực trẻ em. Tăng cường thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

9. Tổ chức Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam bộ lần thứ III gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2021. Chuẩn bị các hoạt động kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh. Tổ chức Đại hội TDTT cấp xã và cấp huyện tiến tới tổ chức Đại hội TDTT cấp tỉnh năm 2022.

10. Thực hiện tốt công tác lập phương án sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn; thẩm định và trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đảm bảo thời gian quy định. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường; việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại. Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh.

11. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS. Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030. Kiểm tra công tác cải cách hành chính theo kế hoạch. Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo quy định. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ,

giải pháp xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn.

**12.** Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử. Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc mới phát sinh ngay từ cơ sở, không để xảy ra điểm nóng. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc nắm bắt tình hình, phát hiện và xử lý tham nhũng.

**13.** Các lực lượng Quân đội, Biên phòng, Công an các cấp, dân quân tự vệ tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm gắn với công tác phòng, chống dịch bệnh, chủ động ứng phó với các diễn biến phức tạp về an ninh, trật tự trên địa bàn; tăng cường các biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Trà Vinh và huyện Trà Cú, tổ chức Tết Quân - Dân năm 2021 trên địa bàn xã Long Đức và các hoạt động kỷ niệm 77 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2021), 32 năm ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2021) phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Tx, Tp;
- LĐVP.UBND tỉnh
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. <sup>05</sup>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** <sup>2021</sup>  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Hảo**



Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021						Cả năm 2021							
			9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 9	ƯTH 9 tháng	So kế hoạch	So cùng kỳ	Ước thực hiện	So kế hoạch	So cùng kỳ						
<b>1</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>																	
	+ Theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	66,813	89,717	102,819		65,210	63,42	97,60	92,118	89,59	102,68						
	- Nông, lâm, thủy sản	"	19,462	27,694	28,104		20,607	73,32	105,88	27,716	98,62	100,08						
	- Công nghiệp, xây dựng	"	34,009	43,174	54,390		31,171	57,31	91,66	45,245	83,19	104,80						
	- Dịch vụ	"	13,342	18,849	20,326		13,431	66,08	100,67	19,157	94,25	101,63						
	+ Theo giá hiện hành	"	93,460	131,704	150,358		93,822	62,40		143,735	95,60	109,13						
	- Nông, lâm, thủy sản	"	28,342	41,880	42,599		30,576	71,78		42,050	98,71	100,41						
	- Công nghiệp, xây dựng	"	45,115	60,863	76,488		42,737	55,87		69,950	91,45	114,93						
	- Dịch vụ	"	20,003	28,961	31,272		20,509	65,58		31,736	101,48	109,58						
<b>2</b>	<b>Giá trị GRDP</b>																	
	+ Theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	28,070	38,788	43,244		27,835	64,37	99,16	39,433	91,19	101,66						
	- Nông, lâm, thủy sản	"	8,143	11,570	11,781		8,601	73,00	105,63	11,620	98,63	100,43						
	- Công nghiệp, xây dựng	"	11,136	14,155	17,394		10,331	59,39	92,77	14,552	83,66	102,80						
	- Dịch vụ	"	8,791	13,064	14,068		8,903	63,28	101,28	13,262	94,27	101,51						
	+ Theo giá hiện hành	"	39,277	63,198	70,611		40,220	56,96		67,781	95,99	107,25						
	- Nông, lâm, thủy sản	"	11,897	19,417	19,815		12,845	64,82		19,508	98,45	100,47						
	- Công nghiệp, xây dựng	"	14,539	21,935	26,917		14,121	52,46		25,454	94,57	116,04						
	- Dịch vụ	"	12,841	21,846	23,879		13,254	55,51		22,818	95,56	104,45						
<b>3</b>	<b>Tổng thu ngân sách</b>	Tỷ đồng	11,733.92	16,739.31	14,029.31		588.33	85.01	101.64	16,353.00	116.56	97.69						
	Trong đó: Thu nội địa	Tỷ đồng	3,515.49	5,031.12	5,000.00		159.50	75.55	107.45	5,300.00	106.00	105.34						
<b>4</b>	<b>Tổng chi ngân sách</b>	Tỷ đồng	6,454.58	14,343.00	11,951.98		974.08	55.68	103.11	14,127.00	118.20	98.49						
<b>5</b>	<b>Số dự án đầu tư đăng ký mới (1)</b>	Dự án	28	35			0		16	18.00		51.43						
	- Số dự án trong nước	Dự án	27	32			0		16	18.00		56.25						
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	566.22	5,222.66			0.00		10,320.76	4,264.00		81.64						
	- Số dự án FDI	Dự án	1	3			0		0	0.00		0.00						
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	0.29	2.79			0.00		0.00	0.00		0.00						
<b>6</b>	<b>Phát triển doanh nghiệp<sup>(2)</sup></b>																	
	- Thành lập mới																	



T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021						Cả năm 2021		
			9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 9	ƯTH 9 tháng	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	Ước thực hiện	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	
													Ước 9 tháng năm 2021
T	+ Số doanh nghiệp	DN	315	488	500	8	261	82.86	400.00	80.00	81.97		
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh	đơn vị	204	273		6	166	81.37					
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	3,268	4,263		18	4,439	135.83					
	- Đăng ký bổ sung												
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	1,206	1,644		21	483	40.05					
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	732	1,791		70	3,211	438.66					
	- Giải thể, thu hồi	DN	60	77		2	61	101.67					

(1) Đến nay có 374 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 333 dự án trong nước với vốn đăng ký 107.107,13 tỷ đồng, 41 dự án FDI với vốn đăng ký 3.073 triệu USD.

(2) Đến nay có 3.190 doanh nghiệp, vốn đăng ký 46.872, số lao động 95.217; trong đó có 2.762 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 42.521 tỷ đồng, 87.867 lao động (có 43 doanh nghiệp FDI)

Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021



T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021				Cả năm 2021			
			9 tháng	Cả năm	ƯTH tháng 9	ƯTH 9 tháng	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	Ước thực hiện	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	
	<b>GT SX NÔNG, LÂM, THỦY HẢI SẢN (GIÁ SO SÁNH 2010)</b>	Tỷ đồng	<b>19,460.88</b>	<b>27,693.84</b>	<b>28,104.60</b>	<b>20,606.84</b>	<b>73.32</b>	<b>105.89</b>	<b>28,105.00</b>	<b>100.00</b>	<b>101.48</b>	
	GT SX nông nghiệp	"	11,619.69	16,444.95	17,005.50	12,157.72	71.49	104.63	17,019.03	100.08	103.49	
	<i>Trong đó:</i>	"										
	- Trồng trọt	"	8,325.41	11,797.28	12,430.30	8,375.05	67.38	100.60	12,244.56	98.51	103.79	
	- Chăn nuôi	"	1,758.83	3,144.86	3,075.20	2,529.69	82.26	143.83	3,282.47	106.74	104.38	
	- Dịch vụ	"	1,535.45	1,502.81	1,500.00	1,252.98	83.53	81.60	1,492.00	99.47	99.28	
	GT SX Lâm nghiệp	"	219.96	298.55	300.00	228.42	76.14	103.85	291.00	97.00	97.47	
	GT SX thủy, hải sản	"	7,621.24	10,950.34	10,799.10	8,220.70	76.12	107.87	10,794.97	99.96	98.58	
	<i>Trong đó:</i>	"										
	- Khai thác hải sản	"	1,069.73	1,357.04	1,370.10	929.59	67.85	86.90	1,322.70	96.54	97.47	
	- Khai thác nội đồng	"	143.00	183.77	180.00	139.77	77.65	97.74	173.61	96.45	94.47	
	- Nuôi trồng thủy sản	"	6,380.51	9,380.22	9,209.00	7,126.35	77.38	111.69	9,258.35	100.54	98.70	
	- Dịch vụ	"	28.00	29.31	40.00	25.00	62.50	89.29	40.30	100.75	137.49	
	<b>A NÔNG NGHIỆP</b>											
	<b>Diện tích gieo trồng hàng năm</b>	<b>Ha</b>	<b>203,191.71</b>	<b>255,403.30</b>	<b>278,480.00</b>	<b>55,571.53</b>	<b>232,430.66</b>	<b>83.46</b>	<b>114.39</b>	<b>255,833.17</b>	<b>91.87</b>	<b>100.17</b>
	<b>* Cây lương thực có hạt</b>											
	- Diện tích gieo trồng	ha	161,501.47	208,832.81	198,146.00	52,024.33	191,489.00	96.64	118.57	207,643.17	104.79	99.43
	- Diện tích thu hoạch	ha	85,789.77	192,110.28	198,146.00	45,849.30	134,282.57	67.77	156.53	207,643.17	104.79	108.09
	- Sản lượng	Tấn	424,315.66	960,322.35	1,105,484.00	238,646.30	769,660.47	69.62	181.39	1,155,965.48	104.57	120.37
	<b>1 Lúa cả năm</b>											
	- Diện tích gieo sạ	Ha	158,396.95	205,114.32	194,346.00	51,749.93	188,372.10	96.93	118.92	203,843.17	104.89	99.38
	- Diện tích thu hoạch	Ha	83,218.77	188,391.79	194,346.00	45,710.35	131,806.39	67.82	158.39	203,843.17	104.89	108.20
	- Năng suất	Tấn/ha	4.93	4.99	5.58	5.21	5.74	102.86	116.48	5.57	99.78	111.63
	- Sản lượng	Tấn	410,098.03	939,731.76	1,084,584.00	237,922.37	756,611.00	69.76	184.50	1,135,065.48	104.65	120.79
	<b>a Lúa mùa</b>											
	- Diện tích gieo sạ	ha	2,262.98	2,263.00			1,330.00		58.77	1,330.00		58.77
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,214.14	2,214.00			1,330.00		60.07	1,330.00		60.07
	- Năng suất	Tấn/ha	3.94	4.33			4.87		123.51	4.87		112.31
	- Sản lượng	tấn	8,722.39	8,722.38			6,471.00		74.19	6,471.00		74.19
	<b>b Lúa Đông Xuân</b>											
	- Diện tích gieo sạ	Ha	60,456.98	60,456.98	50,346.00	59,734.04	118.65	98.80	59,734.04	118.65	98.80	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	43,918.77	43,918.77	50,346.00	59,734.04	118.65	136.01	59,734.04	118.65	136.01	
	- Năng suất	Tấn/ha	4.88	6.71	6.63	6.41	96.62	131.27	6.41	96.62	95.47	

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021					Cả năm 2021			
			9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	Ư' TH tháng 9	Ư' TH 9 tháng	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	Ước thực hiện	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	
<b>c</b>	- Sản lượng	Tấn	214,318.64	214,318.64	332,284.00	382,643.00	382,643.00	115.16	178.54	382,643.00	115.16	178.54	
	<b>Lúa Hè thu</b>												
	- Diện tích gieo sạ	Ha	73,737.99	73,737.99	74,000.00	72,779.13	72,779.13	98.35	98.70	72,779.13	98.35	98.70	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	37,085.86	73,602.67	74,000.00	45,710.35	70,742.35	95.60	190.75	72,779.13	98.35	98.88	
	- Năng suất	Tấn/ha	5.04	4.94	5.20	5.21	5.19	99.90	102.99	5.20	100.00	105.21	
- Sản lượng	Tấn	187,057.00	363,780.74	384,800.00	237,922.37	367,497.00	95.50	196.46	378,451.48	98.35	104.03		
<b>d</b>	<b>Lúa Thu đông</b>												
	- Diện tích gieo sạ	Ha	21,939.00	68,656.35	70,000.00	51,749.93	54,528.93	77.90	248.55	70,000.00	100.00	101.96	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	68,656.35	68,656.35	70,000.00			-		70,000.00	100.00	101.96	
	- Năng suất	Tấn/ha	5.14	5.14	5.17			-		5.25	101.55	102.14	
	- Sản lượng	Tấn	352,910.00	352,910.00	367,500.00			-		367,500.00	100.00	104.13	
<b>2</b>	<b>Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác</b>												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	44,794.76	50,288.98	55,050.00	3,821.60	44,058.56	80.03	98.36	51,990.00	94.44	103.38	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	38,225.13	50,288.98	55,050.00	7,855.61	36,656.29	66.59	95.90	51,990.00	94.44	103.38	
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	24.63	26.59	20.02	22.69	24.07	120.21	97.71	26.00	129.87	97.79	
	- Sản lượng	Tấn	941,520.05	1,337,070.61	1,102,091.00	178,232.22	882,178.72	80.05	93.70	1,351,728.00	122.65	101.10	
	<b>Màu lương thực</b>												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,119.11	5,971.07	7,500.00	464.10	5,035.60	67.14	98.37	6,170.00	82.27	103.33	
- Diện tích thu hoạch	Ha	3,833.26	5,971.07	7,500.00	256.33	3,688.98	49.19	96.24	6,170.00	82.27	103.33		
- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.35	9.63	9.70	10.29	8.82	90.95	94.30	9.71	100.09	100.82		
- Sản lượng	Tấn	35,855.87	57,494.59	59,895.00	2,637.93	32,540.20	54.33	90.75	59,895.00	100.00	104.18		
	Trong đó:												
	+ <i>Bắp</i> :												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,104.52	3,718.49	3,800.00	274.40	3,116.90	82.02	100.40	3,800.00	100.00	102.19	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,571.00	3,718.49	3,800.00	138.95	2,476.18	65.16	96.31	3,800.00	100.00	102.19	
	- Năng suất	Tấn/ha	5.53	5.54	5.50	5.21	5.27	95.82	95.30	5.50	100.00	99.33	
	- Sản lượng	Tấn	14,217.63	20,590.59	20,900.00	723.93	13,049.47	62.44	91.78	20,900.00	100.00	101.50	
	+ <i>Khoai lang</i>												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,048.71	1,201.68	1,250.00	62.70	1,041.20	83.30	99.28	1,250.00	100.00	104.02	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	691.52	1,201.68	1,250.00	70.66	677.80	54.22	98.02	1,250.00	100.00	104.02	
	- Năng suất	Tấn/ha	17.78	15.65	16.20	16.31	16.33	100.81	91.86	16.20	100.00	103.50	
	- Sản lượng	Tấn	12,295.23	19,438.00	20,250.00	1,152.46	11,069.83	54.67	90.03	20,250.00	100.00	104.18	
	+ <i>Khoai mì</i>												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	592.60	654.21	670.00	76.50	536.50	80.07	90.53	670.00	100.00	102.41	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	352.14	654.21	670.00	24.48	331.60	49.49	94.17	670.00	100.00	102.41	
	- Năng suất	Tấn/ha	16.37	17.34	17.50	16.30	15.74	89.94	96.15	17.50	100.00	100.90	
	- Sản lượng	Tấn	5,764.53	11,346.00	11,725.00	399.02	5,219.38	44.52	90.54	11,725.00	100.00	103.34	



T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021					Cả năm 2021					
			9 tháng	Cả năm	ƯTH tháng 9	ƯTH 9 tháng	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	Ước thực hiện	So Kế hoạch	So Cùng kỳ				
	<i>+ Cây có củ khác</i>														
	- Diện tích gieo trồng	Ha	373.28	396.69	450.00	50.50	341.00	75.78	91.35	450.00	100.00	113.44			
	- Diện tích thu hoạch	Ha	218.60	396.69	450.00	22.24	203.40	45.20	93.05	450.00	100.00	113.44			
	- Năng suất		16.37	15.43	13.00	16.30	15.74	121.08	96.15	15.60	120.00	101.12			
	- Sản lượng		3,578.48	6,120.00	7,020.00	362.51	3,201.52	45.61	89.47	7,020.00	100.00	114.71			
	<b>b Mầu thực phẩm</b>														
	- Diện tích gieo trồng	Ha	27,720.58	30,609.71	33,550.00	2,731.30	27,207.76	81.10	98.15	31,980.00	95.32	104.48			
	- Diện tích thu hoạch	Ha	24,555.70	30,609.71	33,550.00	6,675.87	23,767.50	70.84	96.79	31,980.00	95.32	104.48			
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.15	22.18	22.65	22.52	22.21	98.03	100.25	22.19	97.96	100.05			
	- Sản lượng	Tấn	543,930.94	678,881.02	760,001.00	150,364.16	527,774.08	69.44	97.03	709,638.00	93.37	104.53			
	Trong đó:														
	<i>+ Rau mầu các loại</i>														
	- Diện tích gieo trồng	Ha	27,278.27	30,144.30	31,500.00	2,724.60	26,805.80	85.10	98.27	31,500.00	100.00	104.50			
	- Diện tích thu hoạch	Ha	24,176.25	30,144.30	31,500.00	6,591.20	23,418.60	74.34	96.87	31,500.00	100.00	104.50			
	- Năng suất	Tấn/ha	22.47	22.49	23.00	22.79	22.51	97.87	100.18	22.50	97.83	100.05			
	- Sản lượng	Tấn	543,240.34	677,930.02	708,750.00	150,213.45	527,152.69	74.38	97.04	708,750.00	100.00	104.55			
	<i>+ Đậu các loại</i>														
	- Diện tích gieo trồng	Ha	442.31	465.41	480.00	6.70	401.96	83.74	90.88	480.00	100.00	103.13			
	- Diện tích thu hoạch	Ha	379.45	465.41	480.00	84.67	348.90	72.69	91.95	480.00	100.00	103.13			
	- Năng suất	Tấn/ha	1.82	2.04	1.82	1.78	1.78	97.86	97.86	1.85	101.65	90.54			
	- Sản lượng	Tấn	690.60	951.00	888.00	150.71	621.39	69.98	89.98	888.00	100.00	93.38			
	<b>c Cây công nghiệp ngắn ngày</b>														
	- Diện tích gieo trồng	Ha	7,784.92	8,385.92	9,200.00	178.80	7,529.90	81.85	96.72	8,540.00	92.83	101.84			
	- Diện tích thu hoạch	Ha	6,923.81	8,385.92	9,200.00	621.33	6,243.33	67.86	90.17	8,540.00	92.83	101.84			
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	24.74	25.62	26.67	40.61	21.01	78.78	84.94	24.26	90.98	94.71			
	- Sản lượng	Tấn	171,264.90	214,818.00	245,350.00	25,230.13	131,171.49	53.46	76.59	207,195.00	84.45	96.45			
	Trong đó:														
	<i>+ Mía cây</i>														
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,530.00	1,688.92	1,200.00	27.50	1,323.00	110.25	86.47	1,530.00	127.50	90.59			
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,530.00	1,688.92	1,200.00	237.23	1,048.63	87.39	68.54	1,530.00	127.50	90.59			
	- Năng suất	Tấn/ha	86.88	100.57	95.00	90.56	90.37	95.13	104.02	100.00	105.26	99.44			
	- Sản lượng	Tấn	132,926.40	163,709.00	120,000.00	21,483.55	94,764.69	78.97	71.29	153,000.00	127.50	93.46			
	<i>+ Đậu phộng</i>														
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,106.36	4,233.88	4,500.00	67.70	4,097.70	91.06	99.79	4,500.00	100.00	106.29			
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,741.81	4,233.88	4,500.00	80.02	3,565.42	79.23	95.29	4,500.00	100.00	106.29			
	- Năng suất	Tấn/ha	5.18	5.01	5.40	5.40	5.22	96.69	100.75	5.35	99.07	106.81			
	- Sản lượng	Tấn	19,390.06	21,436.00	24,075.00	432.11	18,615.06	77.32	96.00	24,075.00	100.00	112.31			
	<i>+ Cây lác</i>														

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021					Cả năm 2021		
			9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 9	ƯTH 9 tháng	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	Ước thực hiện	So Kế hoạch	So Cùng kỳ
T	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,148.56	2,463.12	2,500.00	83.60	2,109.20	84.37	98.17	2,510.00	100.40	101.90
T	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,652.00	2,463.12	2,500.00	304.08	1,629.28	65.17	98.62	2,510.00	100.40	101.90
	- Năng suất	Tấn/ha	11.47	11.26	11.50	10.90	10.92	94.96	95.20	11.50	100.00	102.11
	- Sản lượng	Tấn	18,948.44	29,673.00	30,000.00	3,314.47	17,791.74	59.31	93.90	30,120.00	100.40	101.51
<b>d</b>	<b>Cây khác</b>											
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,170.15	5,322.28	5,300.00	447.40	4,285.30	80.85	102.76	5,300.00	100.00	99.58
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,912.36	5,322.28	5,300.00	302.08	2,956.48	55.78	101.51	5,300.00	100.00	99.58
	- Năng suất	Tấn/ha	65.40	72.50	70.75	62.35	64.50	91.16	98.62	70.75	100.00	97.59
	- Sản lượng	Tấn	190,468.34	385,877.00	375,000.00	18,834.69	190,692.96	50.85	100.12	375,000.00	100.00	97.18
<b>đ</b>	<b>Cây lâu năm</b>											
	- Cây dừa	Ha	23,200.00	23,697.55	23,800.00		23,782.55	99.93	102.51	23,800.00	100.00	100.43
	+ Sản lượng	Tấn	235,491.75	308,747.00	306,000.00		237,150.00	77.50	100.70	306,000.00	100.00	99.11
	- Cây ăn trái	Ha	18,050.00	18,350.67	18,500.00		18,420.67	99.57	102.05	18,500.00	100.00	100.81
	+ Sản lượng	Tấn	221,610.00	281,046.00	262,000.00		224,010.00	85.50	101.08	262,000.00	100.00	93.22
<b>II</b>	<b>Chăn nuôi</b>											
	- Đàn heo	Con	154,220	201,917	220,000		190,860	86.75	123.76	220,000.00	100.00	108.96
	- Đàn trâu, bò	Con	213,550	225,068	220,000		215,650	98.02	100.98	220,000.00	100.00	97.75
	- Đàn dê	Con	18,170	20,928	22,000		20,860			22,000.00	100.00	105.12
	- Đàn gia cầm	ngàn con	7,725	7,387	7,500		6,325	84.33	81.88	7,500.00	100.00	101.53
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>											
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	99.00	99.00	63.00		43.00	68.25	43.43	63.00	100.00	63.64
	- Chăm sóc rừng	Ha	338.32	338.32	310.00		282.71	91.20	83.56	310.00	100.00	91.63
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5,095.00	5,102.61	3,290.00		5,143.00	156.32	100.94	3,290.00	100.00	64.48
<b>C</b>	<b>THỦY - HẢI SẢN:</b>											
<b>1</b>	<b>Tổng sản lượng</b>	Tấn	173,890.90	228,955.48	237,580.00	17,021.65	166,301.30	70.00	95.64	225,704.50	95.00	98.58
	Trong đó: - Tôm các loại	"	60,772.00	77,679.08	78,330.00	6,717.90	62,273.47	79.50	102.47	80,007.00	102.14	103.00
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	59,556.33	76,028.57	79,380.00	4,907.28	53,256.05	67.09	89.42	72,858.50	91.78	95.83
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	53,466.30	68,209.15	71,500.00	4,236.52	47,809.19	66.87	89.42	65,734.30	91.94	96.37
	Trong đó: - Tôm các loại	"	4,042.60	5,198.13	6,000.00	322.90	3,938.42	65.64	97.42	5,506.00	91.77	105.92
	- Cá các loại	"	30,232.68	38,685.32	40,000.00	2,348.40	23,766.13	59.42	78.61	37,896.30	94.74	97.96
	- Hải sản khác	"	19,191.02	24,325.70	25,500.00	1,565.22	20,104.64	78.84	104.76	22,332.00	87.58	91.80
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	6,090.03	7,819.42	7,880.00	670.76	5,446.86	69.12	89.44	7,124.20	90.41	91.11
	Trong đó: - Tôm các loại	"	516.71	602.72	630.00	85.22	610.52	96.91	118.16	650.00	103.17	107.84
	- Cá các loại	"	1,359.25	1,869.00	1,850.00	136.11	1,457.01	78.76	107.19	1,806.20	97.63	96.64
	- Thủy sản khác	"	4,214.07	5,347.70	5,400.00	449.43	3,379.33	62.58	80.19	4,668.00	86.44	87.29
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	114,334.57	152,926.91	158,200.00	12,114.37	113,045.25	71.46	98.87	152,846.00	96.62	99.95
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	61,140.91	77,901.22	78,500.00	7,086.54	63,645.35	81.08	104.10	80,936.00	103.10	103.90

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021						Cả năm 2021			
			9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 9	ƯTH 9 tháng	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	Ước thực hiện	So Kế hoạch	So Cùng kỳ		
	- Tôm sú	"	10,420.05	13,851.01	12,500.00	981.48	10,538.00	84.30	101.13	13,586.00	108.69	98.09		
	- Tôm thẻ chân trắng	"	44,334.82	55,994.58	56,800.00	5,321.80	46,161.45	81.27	104.12	58,469.00	102.94	104.42		
	- Cua biển	"	5,336.56	6,963.24	7,000.00	649.56	5,454.45	77.92	102.21	6,689.00	95.56	96.06		
	- Thủy sản khác	"	1,049.48	1,092.39	2,200.00	133.70	1,491.45	67.79	142.11	2,192.00	99.64	200.66		
	+ <i>Vùng nước ngọt</i>	"	53,193.66	75,025.69	79,700.00	5,027.83	49,399.90	61.98	92.87	71,910.00	90.23	95.85		
	- Tôm càng xanh	"	1,457.82	2,032.64	2,400.00	6.50	1,025.08	42.71	70.32	1,796.00	74.83	88.36		
	- Cá lóc	"	34,920.95	49,605.97	48,300.00	4,010.68	34,648.62	71.74	99.22	48,973.00	101.39	98.72		
	- Cá tra, cá ba sa	"	3,259.20	4,693.97	6,000.00	0.00	4,320.70	72.01	132.57	4,321.00	72.02	92.05		
	- Cá các loại	"	13,555.69	18,693.11	23,000.00	1,010.65	9,405.50	40.89	69.38	16,820.00	73.13	89.98		
<b>2</b>	<b>Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>57,944.55</b>	<b>62,500.00</b>	<b>57,600.00</b>	<b>1,457.19</b>	<b>52,966.61</b>	<b>91.96</b>	<b>91.41</b>	<b>59,273.00</b>	<b>102.90</b>	<b>94.84</b>		
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	55,742.38	59,200.00	53,400.00	1,213.88	49,866.78	300.80	454.88	54,600.00	102.25	92.23		
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	24,301.25	25,000.00	23,000.00	195.42	21,697.30	94.34	89.28	23,000.00	100.00	92.00		
	- Tôm thẻ chân trắng	"	7,691.13	9,000.00	9,500.00	251.46	6,828.48	71.88	88.78	9,500.00	100.00	105.56		
	- Nuôi cua biển	"	23,500.00	23,500.00	19,000.00	767.00	20,871.00	109.85	88.81	21,200.00	111.58	90.21		
	- Thủy sản khác	"	250.00	1,700.00	1,900.00	0.00	470.00	24.74	188.00	900.00	47.37	52.94		
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	2,202.17	3,300.00	4,200.00	243.31	3,099.83	73.81	140.76	4,673.00	111.26	141.61		
	* <i>Tình hình thiệt hại tôm sú</i>													
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	21,216	22,199		211	19,608		92.42					
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,046	2,502		66	2,127		103.96					
	- Diện tích thả nuôi	Ha	24,301.25	24,889.66		195.42	21,697.30		89.28					
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	866.00	965.53		16.4	1,124.35		129.83					
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,625.00	1,738.36		14.50	1,347.70		82.94					
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	150.90	201.13		6.70	180.40		119.55					
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	9.29	11.57		46.21	13.39		144.15					
	* <i>Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>													
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	17,201	20,320		645	17,258		100.33					
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,854	3,712		203	2,316		81.15					
	- Diện tích thả nuôi	Ha	6,548.20	9,177.81		251.46	6,828.48		104.28					
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	911.45	1,461.40		86.09	819.46		89.91					
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	4,372.00	5,335.34		190.50	4,365.96		99.86					
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	670.00	858.81		50.45	515.70		76.97					
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	15.32	16.10		26.48	11.81		77.08					





Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

T	Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021					Cả năm 2021		
			9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 9	ƯTH 9 tháng	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	Ước thực hiện	So Kế hoạch	So Cùng kỳ
<b>A</b>	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)</b>	Tỷ đồng	28,534.32	35,335.23	45,145.00	2,305.76	25,774.58	57.09	90.33	33,471.21	74.14	94.72
	<i>Trong đó:</i>											
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	9.30	11.00	13.22	0.89	9.37	70.91	100.78	11.68	88.34	106.21
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	11,588.99	14,021.42	16,492.00	464.63	10,005.50	60.67	86.34	13,105.46	79.47	93.47
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	"	16,733.91	20,995.04	28,326.90	1,817.87	15,555.46	54.91	92.96	20,039.06	70.74	95.45
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	202.12	307.78	312.88	22.37	204.25	65.28	101.06	315.01	100.68	102.35
	<b>Sản phẩm chủ yếu:</b>											
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	7.259	11.150	11.500	384	5.531	48.09	76.19	7.100	61.74	63.68
2	Dường kết	Tấn	12.371	12.371	15.000		5.951	39.67	48.10	5.951	39.67	48.10
3	Than hoạt tính	Tấn	5.619	7.581	7.800	150	6.230	79.87	110.87	9.490	121.67	125.18
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	653	853	1.002	84	767	76.51	117.45	1.339	133.63	156.98
5	May mặc (Quần áo các loại)	1000chiếc	4.355	5.862	19.488	110	3.071	15.76	70.50	5.500	28.22	93.82
6	Thảm xơ dừa	1000m2	1.231	1.795	2.000	80	1.294	64.69	105.12	2.200	110.00	122.56
7	Nước sinh hoạt	1000m3	23.175	30.221	32.800	2.495	23.229	70.82	100.23	32.690	99.66	108.17
8	Gạo xay xát	Tấn	218.150	638.702	749.834	12.472	179.813	23.98	82.43	302.615	40.36	47.38
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô t	1000 bộ	7.939	11.872	11.235		6.801	60.54	85.68	11.000	97.91	92.65
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	1.479	2.387	3.725		2.004	53.81	135.53	3.270	87.79	136.99
11	Giấy thành phẩm	1000 đôi	6.773	8.063		64	1.439		21.25	1.439		17.85
12	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	828	1.084	1.300	96	849	65.27	102.46	1.110	85.38	102.40
13	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	15.518	19.158	26.748	1.782	14.517	54.27	93.55	18.386	68.74	95.97
<b>B</b>	<b>TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH</b>	%	<b>98.99</b>	<b>99.12</b>	<b>99.20</b>		<b>99.23</b>	<b>100.03</b>	<b>100.24</b>	<b>99.30</b>	<b>100.10</b>	<b>100.18</b>
	Số hộ sử dụng điện phát triển mới	hộ	8,950	10,834	4,000	90	2,938	73.45	32.83	4,000	100.00	36.92

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Ước 9 tháng năm 2021						Cả năm 2021					
			9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	UTH tháng 9	UTH 9 tháng	So Kế hoạch	So Cùng kỳ	Ước thực hiện	So Kế hoạch	So Cùng kỳ				
													25,635.6	33,542.0	36,000.0	1,518.7
C	<b>TONG MỨC BAN LÊ HANG</b>	<b>Tỷ đồng</b>														
	<b>HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ</b>															
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	18,349.9	23,372.0	24,787.4	1,332.3	18,301.0	73.83	99.73	24,767.1	99.92	105.97				
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	3,915.4	5,480.0	5,820.0	140.5	3,850.7	66.16	98.35	4,800.0	82.47	87.59				
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	16.4	22.0	23.2	-	13.9	59.76	84.73	18.7	80.52	84.91				
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	3,353.9	4,668.0	5,369.4	45.9	3,018.3	56.21	89.99	4,329.7	80.64	92.75				



**Phụ lục 4. DỰ ƯỚC KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2021**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>KINH TẾ</b>					
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	≥ 11	-0.84	1.66	Số 9 tháng là số tính tạm tính; số cả năm do Tổng Cục Thống kê ước tính <b>(không đạt)</b>
2	GRDP bình quân đầu người	Trđ/người/năm	69.00		66.66	
3	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong GRDP	%	71.50		71.22	
4	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng				
	Chi tiêu NQ HĐND tỉnh	Tỷ đồng	28,000	21,662	28,776	Vượt
	Chi tiêu NQ Tỉnh ủy	Tỷ đồng	>30.000	21,662	28,776	<b>Không đạt</b>
5	Số doanh nghiệp phát triển mới	DN	500	261	400	<b>không đạt</b>
6	Thu nội địa	Tỷ đồng				
	Chi tiêu NQ HĐND tỉnh	Tỷ đồng	5,000	3,777	5,300	Vượt
	Chi tiêu NQ Tỉnh ủy	Tỷ đồng	>5.300	3,777	5,300	Đạt
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	30.22	29.52	30.22	Đạt
<b>II</b>	<b>XÃ HỘI</b>					
8	Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm	xã	8	3	8	Đạt
	Số xã nông thôn mới nâng cao	xã	10	11	11	Vượt
	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới		Châu Thành		Châu Thành	Đạt
9	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	39.00		39.00	Đạt
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	67.60		68.46	Vượt
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo</i>	%	34.00		35.74	Vượt
	Tạo việc làm tăng thêm	Lao động	23,000	16,643	23,000	Khả năng không đạt
11	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2.00		2.00	Đạt
12	Tỷ lệ học sinh đi học <b>trong độ tuổi</b>					
	+ Tiểu học	%	99.90		99.90	Đạt
	+ Trung học cơ sở	%	98.60		98.60	Đạt
13	Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã)	giường	25.00	22.97	24.15	Không đạt
	Số bác sĩ/vạn dân	bác sĩ	9.00	8.90	9.00	Đạt
14	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số	%	96.00	94.77	96.30	Vượt
15	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	16.03	12.70	16.09	Đạt
	<i>Trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện</i>	%	3.00	2.29	3.05	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ghi chú
16	Tỷ lệ hộ nghèo giảm (Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)	%	1,0 - 1,5	Không đánh giá	1.00	Đạt
	<i>Trong đó: Vùng dân tộc Khmer giảm</i>	%	<i>1,5 - 2,0</i>	<i>Không đánh giá</i>	<i>2.00</i>	<i>Đạt</i>
17	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99.20	99.23	99.30	Đạt
<b>III MÔI TRƯỜNG</b>						
18	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	%	99.10	99.00	99.10	Đạt
	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	%	99.10	99.70	99.80	Vượt
	<i>Trong đó, sử dụng nước sạch</i>	%	<i>71.00</i>	<i>71.50</i>	<i>73.03</i>	<i>Vượt</i>
19	- Tỷ lệ chất thải nguy hại - Chất thải rắn y tế được xử lý	%	100	99,50 - 100 100	99,50 - 100 100	Đạt
	Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt	%	73.32	96,33 76,51	96,67 77,07	Vượt
	- Đô thị - Nông thôn					
	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg được xử lý	%	80.00	75.00	75.00	Không đạt
20	Tỷ lệ che phủ rừng so với diện tích tự nhiên	%	4.04		4.04	Đạt
<b>IV QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>						
21	Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội	%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
22	Cơ quan, đơn vị đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự	%	95	Chưa đánh giá	95	Đạt
	Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự	%	90	Chưa đánh giá	90	Đạt
23	Xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng	%	98.11	Chưa đánh giá	98.11	Đạt